

Phân tích bài thơ Chiều tối của Hồ Chí Minh - [Ngữ văn 11](#)**1. Dàn ý phân tích bài thơ chiều tối****1. Mở bài**

- Khái quát về tác giả Hồ Chí Minh
- Giới thiệu xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm

2. Thân bài

- Phân tích kỹ hơn hoàn cảnh sáng tác bài thơ
 - Trên đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo suốt một ngày dài với xiềng xích đi bộ đường rừng đến tận chiều tối mà chưa được nghỉ chân
 - Chiều tối sự chuyển giao giữa ngày với đêm và cảm xúc của Bác - một con người xa quê
- Khung cảnh chiều tối nơi núi rừng
 - Bút pháp chấm phá
 - Bức tranh chiều đầy ẩn tượng
 - Phong vị cổ điển của thơ Đường thơ Tống và sự sáng tạo riêng trong nghệ thuật của Bác

=> Vẻ đẹp tâm hồn Người

- Bác xuất hiện như một con người đời thường hoà mình với cảnh vật thiên nhiên
 - Bao cảm xúc, bao khát khao chợt tràn về trong khung cảnh hùng vĩ ấy
 - Ý chí nghị lực phi thường của Bác
- Bức tranh con người trong đời sống sinh hoạt
 - Hình ảnh con người trở thành trung tâm của bức tranh chiều
 - Cuộc sống lao khổ của người lao động

=> Tình yêu thương lòng nhân ái của Bác đã vượt qua biên giới bao trùm cả nhân loại

- Sự vận động hình tượng thơ

- Lập từ điệp ngữ
- Nhịp điệu câu thơ và ý nghĩa của nó
- Phân tích rõ chữ "hồng" ở cuối câu

=> Cảm nhận về trái tim của Người

=> Trong thơ có cảnh trong cảnh có tình

- Đánh giá khái quát về toàn bộ tác phẩm

3. Kết bài: Cảm nhận của bản thân

- Về nghệ thuật
- Về nội dung
- Về tâm hồn bác trong bài thơ

2. Mời các bạn xem video Phân tích bài thơ Chiều tối của Hồ Chí Minh

3. Phân tích bài thơ Chiều tối mẫu 1

Theo Nhật ký trong tù, trên đường chuyển lao từ nhà ngục Tĩnh Tây đến nhà ngục Thiên Bảo, Bác làm năm bài thơ mà Chiều tối là bài thứ ba trong chùm thơ đó. Như tên gọi, bài thơ là bức tranh vẽ cảnh hoàng hôn.

Chiều tối này không giống như bất kỳ chiều tối nào. Đây là cảnh chiều tối qua đôi mắt của người tù Hồ Chí Minh “tay bị trói, cổ đeo xích” đang bị lính áp giải ngang qua một vùng sơn dã. Ngày đã hết mà người tù vẫn phải cất bước. Nhà giam mới còn xa, nổi vất vả còn nhiều. Bài thơ hình thành trong hoàn cảnh nghiệt ngã ấy:

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không.
(Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không.)*

Chim bay về tổ là biểu tượng được dùng để diễn tả cảnh hoàng hôn thường thấy trong thơ cổ điển, nhưng cánh chim ở đây không chỉ là một nét vẽ bình thường. Đường như lúc chiều tối người tù ngược mắt nhìn lên bầu trời, chợt thấy cánh chim mỏi mệt đang cố bay về tổ ấm và chòm mây chậm chậm trôi ngang lưng trời. Cái nhìn của nhà thơ không đơn thuần là cái nhìn thưởng thức mà còn gửi vào đó sự lưu luyến, triu mến của một tấm lòng yêu thương vô hạn. Cánh chim nhỏ bé kia như có

linh hồn, có đời sống riêng tư. Cả ngày kiếm ăn vất vả, chiều tối nó mệt mỏi trở về rừng tìm nơi trú ngụ để sớm mai lại bay đi. Người tù cũng mệt mỏi sau một ngày vất vả lê bước đường trường. Có sự hòa hợp, cảm thông giữa tâm hồn nhà thơ với cảnh vật thiên nhiên. Cội nguồn của sự cảm thông ấy chính là tình yêu thương sâu xa của Bác dành cho mọi sự sống trên đời.

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không. Nguyên văn chữ Hán đẹp như một câu thơ Đường: Cô vân mạn mạn độ thiên không. Chòm mây này không có sắc thái phong lưu, nhàn tản, gợi nên sự cô độc thanh cao như trong thơ cổ: Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay (Hoàng Hạc lâu – Thôi Hiệu) mà nó chỉ đơn giản là chòm mây lững lờ trôi trên nền trời lúc bóng chiều đang sẫm lại, tô thêm vẻ mênh mông, êm ả của buổi chiều tối nơi rừng núi. Phải có một tâm hồn ung dung, thư thái thì người tù mới có thể tạm quên sự đau đớn của thể xác để dõi theo một cánh chim, một chòm mây giữa bầu trời lúc hoàng hôn như vậy.

Chòm mây ấy khiến không gian trở nên vô tận và thời gian như ngừng trôi. Hơn thế, chòm mây cũng như đang mang tâm trạng của con người. Nó cô đơn và lặng lẽ, ẩn chứa nỗi buồn trong cảnh chia lìa: cánh chim mãi miết bay về rừng xanh, còn chòm mây trôi nhẹ như muốn ở lại giữa tầng không bất ngát.

Cánh chiều tối nơi sơn dã là như vậy. Cánh chim nhỏ nhoi, chòm mây cô độc. Chim bay, mây trôi. Bầu trời bao la không giới hạn. Người xưa cho đó là cách lấy điểm tả diện, lấy động tả tĩnh, rất tinh vi. Tuy bài thơ không tả màu sắc, âm thanh mà người đọc vẫn cảm thấy khung cảnh rừng núi lúc chiều tối thật âm u, hiu quạnh. Hai câu thơ thấm thía nỗi buồn vì cảnh buồn và người buồn, vì cánh chim bay về tổ gợi niềm ước mong sum họp, chòm mây đơn độc lơ lửng trên không trung gợi thân phận lênh đênh trôi dạt nơi đất khách quê người, vì không biết tới bao giờ người tù mới được tự do như cánh chim và chòm mây kia?!

Tuy vậy, hai câu thơ trên cũng thể hiện bản lĩnh kiên cường của người tù thi sĩ, bởi vì nếu không có ý chí, nghị lực, không có phong thái ung dung tự chủ và sự tự do hoàn toàn về tinh thần thì không thể viết những câu thơ về thiên nhiên sâu sắc và tinh tế như thế trong hoàn cảnh khắc nghiệt của thân phận tù đầy.

Đến hai câu thơ cuối, bức tranh chiều tối bỗng có những nét chấm phá bất ngờ: Giữa rừng núi, âm u, một lò lửa bỗng rực hồng, soi sáng hình ảnh thiếu nữ đang chuẩn bị bữa ăn tối cho gia đình:

*Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

*(Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.)*

Nếu trong hai câu thơ đầu, cảnh vật hiện ra qua những nét vẽ phần nào mang tính chất ước lệ thì ở hai câu thơ này, hình ảnh người phụ nữ lao động lại được tác giả miêu tả chân thực và sinh động. Bài thơ chuyển từ bức tranh thiên nhiên thành bức tranh đời sống. Đây là xu hướng vận động trong cấu trúc của bài thơ, là logic hình tượng thơ và nó cũng phản ánh cái lôgic lớn trong tâm hồn tác giả. Điều lạ là những câu thơ tả thực gần như văn xuôi ấy lại có một sức sống lạ thường. Sức sống ấy toát lên từ hình ảnh khỏe khoắn của người thiếu nữ hay từ ánh lửa rực hồng của lò than ?! Hình ảnh cô gái xay ngô trở thành trung tâm của bức tranh. Với nét vẽ đậm, khỏe, nhà thơ đã đặt con người vào vị trí chủ thể, đẩy lùi cảnh vật ra phía sau làm nền. Tư thế của cô gái xay ngô toát lên vẻ trẻ trung, khỏe mạnh và cuộc sống lao động càng trở nên đáng quý, đáng trân trọng biết bao! Nó đem lại cho người tù hơi ấm của sự sống cùng niềm vui và hạnh phúc trước cuộc sống bình dị của những con người tuy vất vả mà tự do.

Trời sắp tối. Buổi tối là thời khắc sum họp gia đình nhưng kẻ lữ thứ là người tù vẫn chưa biết dừng chân nơi đâu. Người tù đã quên nỗi cô quạnh, u buồn của cảnh ngộ mình để chia sẻ với niềm vui nho nhỏ đời thường của người dân lao động, với bếp lửa hồng nơi xóm núi. Khi màn đêm buông xuống, cảnh vật thu dần vào một điểm là lò than đỏ rực rồi tỏa hơi ấm theo âm thanh nong đượm của chũr hồng. Chũr hồng kết thúc bài thơ thật tự nhiên mà cũng thật bất ngờ. Nếu hình dung cả bài thơ là một bức tranh thì chính cái chấm lửa đỏ mà người nghệ sĩ tài hoa chấm lên đó đã mang lại thần sắc cho toàn cảnh, dường như nó làm tăng thêm niềm vui và sức mạnh cho người tù đang cất bước trên con đường xa thẳm.

Hình ảnh cô gái và bếp lửa hồng gợi tả cảnh gia đình sum họp. Thấp thoáng trong những hình ảnh ấy là ước mơ thầm kín về mái ấm gia đình của con người đang lưu lạc xa nhà, xa quê hương đất nước. Đây là tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt để đồng cảm với niềm vui đời thường. Bài thơ đã vận động từ ánh chiều âm u, tăm tối đến ánh lửa rực hồng, ấm áp, từ nỗi buồn đến niềm vui. Nó cho thấy cái nhìn tràn đầy niềm lạc quan yêu đời và tình yêu thương nhân dân của một con người vĩ đại.

Nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ vừa có nét cổ điển (bút pháp chấm phá, ước lệ với những thi liệu xưa cũ) vừa có nét hiện đại (bút pháp tả thực sinh động với những hình ảnh dân dã đời thường), ở đây chủ yếu là gợi tả chứ không phải là miêu tả, cho nên rất cô đọng và hàm súc.

Ngôn ngữ trong bài thơ được sử dụng rất linh hoạt và sáng tạo. Một số từ ngữ vừa gợi tả vừa gợi cảm (quyện điều, cô vân). Chữ hồng trong nghệ thuật thơ Đường người ta gọi là con mắt của thơ (thi nhãn) hoặc là nhãn tự (chữ có mắt). Với chữ hồng, bài thơ không còn cảm giác nặng nề, mệt mỏi, nhọc nhằn nữa, mà chỉ thấy màu đỏ đã ánh lên trong bóng đêm, trên thân hình và công việc quen thuộc của cô sơn nữ đáng yêu kia.

Chiều tối có vẻ đẹp giản dị mà sâu sắc. Bài thơ diễn tả phong cảnh thiên nhiên và đời sống một cách chân thật, hàm súc, đồng thời thể hiện một khía cạnh vĩ đại của tâm hồn Hồ Chí Minh là lòng nhân ái đạt đến độ quên mình. Người làm thơ trong tình cảnh khốn khó vẫn để tâm hồn mình hướng tới thiên nhiên cùng niềm hạnh phúc đơn sơ của con người. Vàng nào đổi được phút giây xúc động trước cảnh chiều tối như phút giây này của trái tim vĩ đại Hồ Chí Minh?!

4. Phân tích bài thơ Chiều tối mẫu 2

Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà văn hóa, một anh hùng dân tộc, một vị cha già của đất nước mà Người còn là một nhà văn, nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam. Người đã để lại cho đời một khối lượng thơ ca đồ sộ phong phú về thể loại, đa dạng về phong cách và sâu sắc về tư tưởng. Thơ Bác vừa hay bởi cách gieo vần, vừa đẹp bởi chính hồn thơ, chính tinh thần "thép" trong thơ. Và Chiều tối là bài thơ tiêu biểu của Bác, đó là bài thơ thể hiện sự thành công khi kết hợp giữa nét cổ điển và tinh thần hiện đại

Hai câu thơ mở đầu bài thơ là khung cảnh thiên nhiên núi rừng rộng lớn, vắng lặng với cánh chim mỗi một đang bay về tổ dưới chòm mây nhẹ trôi:

*Quyện điều quy lâm tâm túc thụ
Cô vân mạn mạn độ thiên không
(Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không)*

Cánh chim và chòm mây là hai hình ảnh thường xuất hiện trong những câu thơ chiều xưa và nay. Đây là hai hình ảnh chỉ không gian nhưng đã gợi những liên

tưởng về thời gian. Quảng thời gian chiều tối thường là lúc đoàn tụ, khi mọi người hồi hả trở về đoàn tụ với gia đình nhưng cũng là khi con người ta thấy vô cùng cô đơn nếu không có một chốn để trở về. Giữa không gian rộng lớn dường như con người và cảnh vật đều như đã nghỉ ngơi thì những chòm mây vẫn nhẹ nhàng trôi hững hờ không nghỉ càng làm nổi bật sự yên bình nơi rừng núi lúc chiều tối. Chòm mây ấy cũng giống như Bác, đang trong chốn lao tù, vẫn phải cô độc bước đi. Chòm mây cô đơn, lặng lẽ và Bác cũng lặng lẽ, cô đơn xen vào đó là chút băn khoăn trăn trở không biết tương lai sẽ đi đâu về đâu của người tù nơi đất khách quê người. Nhưng có lẽ chỉ người có lòng yêu nước nồng nàn như Bác thì mới thể ung dung, bình tĩnh, lạc quan vượt lên mọi sự giam cầm về thể xác để hòa mình vào thế giới thiên nhiên, mây trời ở ngoài kia.

Với câu thơ bảy chữ, Bác đã vẽ ra một cảnh chiều tối âm u, hoang vắng, mênh mông, cô quạnh đến yên ắng, êm ả đến lạ. Đồng thời ẩn sau những câu thơ người đọc thấy được ý chí vượt lên khó khăn với niềm khát khao, mong ước được tự do như mây trời, được quay trở về với quê hương, được hòa mình và sống hết mình với thiên nhiên vạn vật. Bức tranh miêu tả thiên nhiên mà còn có cả phần hồn - cái hồn của con người hòa mình vào thiên nhiên ở trong đó.

Trong khung cảnh thiên nhiên mênh mông, đượm nét buồn lúc chiều tối nơi rừng núi, bỗng có sự xuất hiện của con người:

*Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng
(Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết, lò than đã rực hồng)*

.Trong bức tranh thiên nhiên rộng lớn, yên bình như trong thơ cổ hình ảnh cô em xóm núi xuất hiện như một điểm sáng, làm cho bức tranh sôi động, tươi vui hơn. Bức tranh là sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người với những công việc hàng ngày trong cuộc sống như tô đậm, khắc họa hơn nét đẹp, nét đáng quý của những người dân lao động. Con người trong thơ Bác là con người lao động và cũng là trung tâm của bài thơ. Cô gái hiện lên với vẻ đẹp của người dân lao động cần cù, khỏe mạnh, tràn trề sức sống. Hình ảnh “lô dĩ hồng” là hình ảnh bình dị của đời sống làm bừng sáng, xua đi cái lạnh lẽo nơi núi rừng bởi lửa là tượng trưng cho sự sống, như ánh sáng chiếu rọi cuộc sống sinh hoạt của con người. Đối với người tù đầy như Bác, hình ảnh lò than đã rực hồng như sưởi ấm trái tim nơi chốn tù lao lạnh

lẽo, cô đơn, đem lại cho người sự ấm áp, niềm vui và hạnh phúc bình dị thường ngày. Một lần nữa ta nhận ra cái nhìn trù mến hướng về sự sống của Người. Người quên đi nỗi khổ của chính bản thân mình để chia sẻ với người dân tự do tự chủ. Bánh xe thời gian đang lăn dần từ chiều tà đến đêm khuya bởi ba từ “ma bao túc” được điệp vòng ở câu cuối. Sự nối âm liên hoàn, nhịp nhàng vừa diễn tả vòng quay không dứt của động tác xay ngô vừa diễn tả dòng lưu chuyển của thời gian.

Bài thơ là sự kết hợp hài hòa giữa phong cách cổ điển và hiện đại, giữa vẻ đẹp giản dị mà sâu sắc. Bài thơ đã miêu tả khung cảnh thiên nhiên và đời sống một cách chân thực, hàm súc đồng thời thể hiện tình yêu, sự gắn bó với con người, thiên nhiên cùng lòng nhân ái đạt đến mức quên đi bản thân mình của Hồ Chí Minh. Người làm thơ trong thời gian bị giam cầm nơi chốn ngục tù mà vẫn đề tâm hồn vẫn hướng về thiên nhiên với niềm khát khao về ngày được tự do. Nhà văn Nam Cao đã viết: "Khi người ta đau chân, người ta không còn tâm trí đâu để nghĩ đến người khác được.", để nói rằng, con người ta thường có xu hướng lo cho những đau khổ của bản thân. Nhưng ở Bác Hồ – một người lúc nào cũng đau đáu nỗi lo cho dân tộc, cho đất nước, vẫn luôn dành có phút giây quan tâm đến những thứ nhỏ nhặt nhất, bình dị nhất. Đó chính là nhân cách cao đẹp của vị lãnh tụ, người cha già vĩ đại của dân tộc

Bài thơ Chiều tối đã thể hiện được tâm hồn Bác, con người dù trong đau khổ trong xiềng xích vẫn vững niềm tin phía trước, vẫn giữ tinh thần thép trong cuộc sống. Đồng thời thấy được tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước và ý chí sắt đá của người chiến sĩ.

5. Phân tích bài Chiều tối mẫu 3

Hồ Chí Minh là một cái tên mà tất cả con dân Việt Nam đều ghi tạc trong tim với một lòng yêu quý, kính trọng vô bờ bến. Trong quá trình tìm lại tự do cho dân tộc, Bác đã phải chịu rất nhiều khổ cực, gian khó, đã rất nhiều lần bị bắt giam, chuyển từ nhà tù này sang nhà tù khác, bị đánh đập, tra tấn dã man. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh khó khăn ấy, ở Người vẫn ánh lên một tinh thần lạc quan, một niềm tin vào một ngày mai tươi sáng. Bài thơ "Chiều tối" nằm trong tập thơ "Nhật kí trong tù" đã thể hiện được phần nào tinh thần ấy của Người. Bài thơ chỉ đơn giản là tả lại cảnh nơi thôn dã vào một buổi chiều tối, thế nhưng ẩn chứa trong đó là một ước mơ tự do cho bản thân, ước mơ được quay trở lại quê hương để tiếp tục sứ mệnh của mình.

Bài thơ được sáng tác khi Bác bị giải từ nhà lao Tĩnh Tây đến nhà lao Thiên Bảo. Bức tranh chiều tối được nhìn qua cặp mắt của người tù tay đeo gông chân vướng xiềng:

"Quyện điều quy lâm tầm túc thụ
Cô vân mạn mạn độ thiên không."

Dịch thơ:

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không."

Buổi chiều thường là lúc đoàn tụ, nhưng cũng là khi con người ta thấy vô cùng cô đơn nếu không có một chốn để về. Cánh chim mỏi sau một ngày kiếm ăn cũng đã bay về tổ của mình. Trên không trung chỉ còn lững lờ một chòm mây. Giữa thiên nhiên bao la hùng vĩ, con người và cảnh vật đều như dừng lại, chỉ có chòm mây ấy vẫn nhẹ nhàng trôi, càng làm nổi bật lên sự yên ắng, êm ả của buổi chiều tối nơi rừng núi. Chòm mây ấy cũng giống như Bác, đang trong tình cảnh tù tội, vẫn phải cô độc bước đi. Chòm mây cô đơn, lặng lẽ, Bác cũng lặng lẽ, cô đơn. Tuy thế, phải là một người có lòng yêu thiên nhiên, phải có một tâm thái ung dung, bình tĩnh, lạc quan, vượt lên mọi gông cùm về thể xác để ngắm thiên nhiên, hòa mình với thiên nhiên như thế. Thân xác mỏi rã rời vì phải đi cả ngày đường vất vả, nhưng Bác vẫn dõi mắt theo cánh chim về tổ, tầng mây lững lờ trôi lúc chiều về.

Tuy chỉ hai câu thơ bảy chữ, nhưng cũng đã khiến cho người đọc tưởng tượng ra được cảnh chiều muộn nơi rừng núi thật mênh mông, âm u, vắng vẻ, quạnh quẽ. Đồng thời, cũng nói lên niềm mong ước quay trở về với quê hương, ước mong được tự do như đám mây kia.

Trong khung cảnh thiên nhiên mênh mông, đượm nét buồn lúc chiều muộn nơi rừng núi, bỗng xuất hiện con người:

"Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng."

Dịch thơ:

"Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng."

Giữa cảnh buồn của thiên nhiên như trong thơ cổ, cô sơn nữ hiện lên như một điểm sáng, làm cho cả bức tranh trở nên sinh động, vui tươi hơn. Đó chính là nét cổ điển mà hiện đại trong thơ của Hồ Chí Minh. Bức tranh vừa có người, vừa có hoạt động khỏe khoắn của con người trong đó. Đó chính là nét đẹp, nét đáng quý của người dân lao động. Cô gái đang miệt mài xay ngô bên lò than rực hồng để chuẩn bị bữa tối. Ở đây, bản dịch thơ không đảm bảo được nghệ thuật của bản chữ Hán. Bác đã lặp lại hai chữ "bao túc" ở cuối câu thứ ba và đầu câu thứ tư, như những vòng xay nối tiếp nhau của cô gái, như sự tuần hoàn của thời gian, trời đã tối, tối dần. Bức tranh vừa ảm áp bởi cảnh tượng lao động khỏe khoắn của người thôn nữ lao động, vừa bởi cái ánh hồng của bếp lò. Đó chỉ là một thứ hạnh phúc bình dị, vậy mà Bác vẫn gạt bỏ hết những đau đớn, mệt mỏi về thân xác để cảm nhận được.

Nhà văn Nam Cao đã viết: "Khi người ta đau chân, người ta không còn tâm trí đâu để nghĩ đến người khác được.", để nói rằng, con người ta thường có xu hướng lo cho những đau khổ của bản thân. Thế nhưng, ở Bác Hồ – một người lúc nào cũng lo nỗi lo của dân tộc, của đất nước – vậy mà cũng vẫn luôn quan tâm đến những thứ nhỏ nhất nhất, bình dị nhất. Đó chính là nhân cách cao đẹp của vị lãnh tụ vĩ đại của chúng ta.

Bài thơ "Chiều tối" là một bài thơ tiêu biểu cho nét đẹp cổ điển và hiện đại trong thơ Hồ Chí Minh. Bài thơ chỉ đơn giản là tả về phong cảnh thiên nhiên và con người nơi xóm núi khi chiều muộn, đồng thời, cũng ẩn chứa trong đó nỗi niềm ước mong được tự do, được sum họp của Người. Đồng thời, ở Bác, chúng ta vẫn luôn thấy ánh lên một vẻ đẹp của tinh thần quên mình, của một trái tim giàu lòng yêu thương luôn biết quan tâm đến những điều bình dị nhất.

6. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 4

"Nhật ký trong tù" của Hồ Chí Minh được viết từ 2/8/1942 đến 10/9/1943 khi Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam một cách vô cớ, đầy đoạ khắp các nhà lao tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Trong số 133 bài thơ "Nhật ký trong tù" có một số bài ghi lại những thời khắc đáng nhớ trong ngày: Buổi sớm, Buổi trưa, Quá trưa, Chiều hôm, Chiều tối, Hoàng hôn, Nửa đêm... Mỗi bài là một nỗi niềm trong những tháng ngày "ác mộng".

"Chiều tối" (Mộ) là bài thất ngôn tứ tuyệt số 31 trong "Nhật ký trong tù". Bài thơ số 32 là bài "Đêm ngủ ở Long Tuyền". Vậy, bài "Chiều tối" ghi lại cảnh xóm núi lúc ngày tàn trên con đường từ Thiên Bảo đến Long Tuyền vào tháng 10/1942.

Đây là nguyên tác hài thơ:

"Quyện điều quy lâm tâm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không,
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng".

Một cái nhìn man mác, một thoáng ước mơ thầm kín về một mái ấm, một chỗ dừng chân...của nhà thơ trên con đường lưu đầy khổ ải muôn dặm, được hé lộ qua bài thơ, đọc qua tưởng như chỉ tả cảnh chiều tối nơi xóm núi xa lạ.

Hai câu đầu tả bầu trời lúc ngày tàn. Hai nét vẽ "động" cánh chim mỗi một (quyện điều) bay về rừng xa, tìm cây trú ẩn, một áng mây cô đơn, lẻ loi (cô vân) đang lững lơ trôi (mạn mạn). Câu trúc hai câu thơ đối xứng, âm điệu thơ nhẹ, thoáng buồn. Người chiến sĩ bị lưu đầy ngược mắt nhìn bầu trời, dõi theo cánh chim bay và áng mây trôi nhẹ mà lòng man mác. Rất tinh tế, nét vẽ ngoại cảnh đã thoáng hiện tâm cảnh. Câu thơ dịch của Nam Trân tuy chưa thể hiện được chữ "cô" trong "cô vân" nhưng khá hay:

"Chim mỗi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không".

Hai câu thơ 1, 2 mang vẻ đẹp cổ điển: tả ít mà gợi nhiều chỉ 2 nét phác họa (chim bay, mây trôi) mà gợi lên cái hồn cảnh vật, ngày tàn, màn đêm buông xuống dần, tạo vật như đang chuyển sang trạng thái nghỉ ngơi, mệt mỏi. Nghệ thuật lấy động vẽ tĩnh, lấy động tả tĩnh được vận dụng sáng tạo. Nhìn chim bay, mây trôi mà cảm thấy bầu trời bao la hơn, cảnh chiều tối êm ả, tĩnh lặng hơn. Cảnh chiều tối ở xóm núi này còn mang tính ước lệ, nó mở rộng liên tưởng và cảm xúc thẩm mỹ trong tâm hồn mỗi chúng ta,...nhớ về một cánh chim bay trong "Truyện Kiều": "Chim hôm thoi thót về rừng"; nhớ đến một cánh chim bay mỗi và hình ảnh người lữ thứ trong chiều sương lạnh nhớ nhà:

"Ngàn mai gió cuốn, chim bay mỏi
Dặm liễu sương sa, khách bước dồn

(Chiều hôm nhớ nhà)

Trở lại bài "Chiều tối", áng mây cô đơn lẻ loi đang lơ lửng, trôi nhẹ trên bầu trời là hình ảnh ẩn dụ về người lưu đầy trên con đường khổ ải xa lắc! Ngôn ngữ thơ hàm súc, biểu cảm, vừa tả cảnh vừa tả tình, thoáng nhẹ mà đầy ẩn tượng, dư ba.

Tiếp theo câu cuối 3 - 4 từ cảnh bầu trời tác giả nói về cuộc sống con người nơi núi. Thiếu nữ và lò than hồng là trung tâm của bức tranh này:

"Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng".

Một nét vẽ trẻ trung, bình dị, đáng yêu: Thiếu nữ xóm núi đang xay ngô. Ba chữ "ma bao túc" ở cuối câu ba được lấy lại "bao túc ma hoàn..." ở đầu câu 4, động tác nhíp nhàng xay ngô, vừa diễn tả sự chuyển động vòng tròn của cái cối đá xay ngô thủ công. Đức tính cần mẫn của thiếu nữ xóm núi được cảm nhận và trân trọng. Nghệ thuật điệp ngữ liên hoàn đã làm cho thơ liền mạch và có vẻ nhạc điệu. Câu thơ dịch: "Cô em xóm núi xay ngô tối", với 2 chữ cô em đã làm lạc phong cách thơ Hồ Chí Minh; chữ "tối" thêm vào đã làm cho ý thơ lộ, còn đâu nữa ý tại ngôn ngoại trong bài thơ chữ Hán này?.

Sự vật như nổi liếp theo dòng chảy thời gian mà xuất hiện: Khi ngô xay xong than đã rực hồng, sáng bừng lên, vô cùng ấm áp. Khi màn đêm đã bao mịt mùng, lò than đỏ rực lên, cảnh vật ấy thu hút tâm trí người tù đang bị giải đi. Buồn biết bao cảnh bếp lạnh tro tàn! ấm áp biết bao một ngọn đèn, một bếp hồng trong đêm lạnh. Hình ảnh thiếu nữ xóm núi xay ngô và lò than rực hồng tượng trưng cho một mái ấm đoàn tụ gia đình, nó đã làm vợi đi bao nỗi cô đơn tĩnh mịch. Hướng về một cảnh sinh hoạt dân dã bình dị: thiếu nữ xay ngô, dõi nhìn bếp lửa, lò than rực hồng, khi chân tay mang nặng xiềng xích, bị giải đi trong chiều tối, Bác đã tìm thấy nơi nương tựa tâm hồn mình. Hình như nỗi cô đơn, lẻ loi, lạnh lẽo bị xua tan. Một thoáng ước mơ thầm kín về một mái ấm gia đình đã đến với nhà thơ trên con đường đi đày xa xứ trong màn đêm buông xuống. Cảm hứng thơ dào dạt chất nhân bản. Cái bình dị mà đầy chất thơ. Chất thơ ấy là hồn người và tình người. Hai nét vẽ về thiếu nữ xay ngô và lò than rực hồng là hai nét vẽ bình dị, ấm áp, khoẻ và trẻ trung, làm thơ Bác có sự hoà hợp giữa màu sắc cổ điển và chất hiện đại vẻ trung bình dị.

Nhiều bài thơ khác cho thấy trên con đường khổ ải, lưu đày người chiến sĩ cách mạng trong "Nhật ký trong tù" hầu như ít cảm thấy cô đơn, tâm hồn luôn luôn gắn bó với nhịp sống, làm chủ hoàn cảnh và lạc quan yêu đời. Trong cảnh hoang hờn gió rét căm, vượt lên gian khổ. Người xúc động hướng tới một tiếng chuông chùa, một tiếng sáo mục đồng mà mạnh bước:

"Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây

Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay".

Nam Trân dịch

Có lúc trong cảnh bị cùm trói "Thừa cơ rét rệp xông vào đánh" mà Người vẫn "thoát ngục" tìm được một chút niềm vui nâng đỡ tâm hồn mình: "Oanh sớm, mừng nghe hót xóm gần" (Đêm ngủ ở Long Tuyền). Điều đó cho thấy, sự sống và tự do là khát vọng của Người. Thiên nhiên và con người hiện diện trong thơ Bác bằng những nét vẽ đẹp, bình dị, đáng yêu, đó là sự sống mà Bác gắn bó, mến yêu suốt đời.

"Chiều tối" - một bài thơ đáng yêu: màu sắc cổ điển hàm súc kết hợp với tính chất trẻ trung, hiện đại, bình dị. Tứ thơ vận động từ cảnh đến tình, từ trong bóng tối đến sự sống, đến ánh sáng và tương lai. Nét vẽ linh tế, thể hiện một hồn thơ "bát ngát tình". Bài thơ thấm đượm một tình yêu mệnh mông đối với tạo vật và con người. Trong đoạ đầy gian khổ, tâm hồn Bác vẫn dào dạt sự sống.

7. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 5

Hồ Chí Minh được nhân loại biết đến không chỉ là một vị lãnh tụ kiệt xuất của dân tộc Việt Nam mà còn được biết đến như một nhà văn, nhà thơ lớn của thế kỷ XX. Ngoài văn chính luận, người còn để lại cho đời một sự nghiệp thơ ca đáng trân trọng. Trong đó nổi bật nhất là tập thơ Nhật ký trong tù. Tập thơ này như một cuốn nhật ký bằng thơ ghi lại những chặng đường giải lao đầy gian nan vất vả của người tù. Nhưng bằng bản lĩnh thép, tinh thần thép Người đã vượt qua hoàn cảnh tù đầy để hướng về ánh sáng. Bài thơ Chiều tối là một trong những sáng tác tiêu biểu nhất của tập Nhật ký trong tù:

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết lò than đã rực hồng"

Tháng 8/1942, Bác Hồ sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ của bạn bè quốc tế về cuộc cách mạng ở Việt Nam. Sau mười lăm ngày đi bộ khi vừa tới thị trấn Túc Vinh, tỉnh Quảng Tây, Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam vô cớ và bị "mười bốn trăng tê tái gông cùm" trong gần ba mươi nhà lao của tỉnh Quảng Tây. Trong thời gian này Người đã sáng tác tập thơ Nhật ký trong tù gồm 134 bài thơ

bằng chữ Hán. Bài thơ "Mộ" (Chiều tối) được xem là áng thơ tuyệt bút, được Người làm trên đường chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.

Bài thơ mở đầu bằng bức tranh thiên nhiên buổi chiều tà trên đường Bác bị giải lao. Chỉ vài nét chấm phá, hai câu đầu của bài thơ đã để lại một tiểu họa về cảnh thiên nhiên vùng sơn cước ở thời điểm "chiều tối".

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không"

Thiên nhiên hiện lên với hai nét chấm phá: cánh chim và áng mây mang màu sắc cổ thi rõ nét. Hai hình ảnh ấy tạo nên bầu không gian khoáng đãng, cao rộng, thể hiện điểm nhìn lên của tác giả "luôn ngẩng cao đầu trong hoàn cảnh tù đày". Buổi chiều ấy dường như ta đã bắt gặp đâu đó trong thơ xưa: "Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà" hay "Chiều tà bóng lảng bóng hoàng hôn" (Bà Huyện Thanh Quan). Cánh chim và chòm mây vốn là những thi liệu rất quen thuộc trong thơ cổ thường dùng để miêu tả cảnh chiều tối như một bút pháp miêu tả thời gian. Lý Bạch trong bài thơ Độc tọa Kính Đình san cũng đã từng viết:



"Chúng điều cao phi tận
Cô vân độc khứ nhàn
(Chim trời bay đi mất
Mây lẻ trôi một mình)"

Điều mới mẻ ở đây là nếu như trong thơ cổ, cánh chim thường bay về chốn vô tận vô cùng, vô định, gợi cảm giác xa xăm, phiêu dạt, chia lìa, mang cái buồn thương u uẩn thì cánh chim trong thơ Bác lại gần gũi yêu thương hơn bao giờ hết. Nó chỉ là cánh chim tìm về tổ ấm sau một ngày dài mỏi mệt kiếm ăn. Cái hay nằm ở chỗ, nhìn cánh chim bay mà thấy được "quyện điều", thấy được trong dáng bay của cánh chim có sự mỏi mệt của nó. Nghĩa là nhà thơ nhìn thấy được sự vận động bên trong của cánh chim kia. Đây chính là tình cảm nhân đạo của Hồ Chí Minh. Cái nhìn ấy thể hiện tình cảm nhân ái bao la của Người đối với cảnh vật. Đúng như Tố Hữu đã từng viết "Bác ơi tim Bác mênh mông thế/ Ôm cả non sông mọi kiếp người". Qua đó ta thấy thêm một nét nghĩa mới: người tù dường như cũng đồng cảm với cánh chim kia, Người như cũng muốn được dừng chân sau một ngày dài ải "Năm mươi ba cây số một ngày/ Áo mũ dầm mưa rách hết giày".

Cùng với "Quyện điều quy lâm", là "Cô vân mạn mạn". Bài thơ dịch khá uyển chuyển, nhưng đã làm mất đi vẻ lẻ loi, trôi nổi, lững lờ của đám mây. Người dịch đã bỏ sót chữ "cô" và chưa thể hiện được hết nghĩa của hai từ láy "mạn mạn". Căn cứ vào phần nguyên âm ta thấy, hình ảnh đám mây cô đơn, lẻ loi đang chậm chậm trôi qua bầu trời. Nó không chỉ làm cho bầu trời thêm cao, thêm khoáng đãng mà còn gợi lên nỗi buồn băng của người tù trên đất khách quê người. Nhưng buồn mà không bi lụy, không hiu hắt như trong thơ cổ điển. Mặc dù câu thơ dịch: "Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không" chưa được sát nghĩa nhưng dù sao cũng thấy cái hay riêng của nó. Chòm mây trôi nhẹ nhàng, nhàn tản như chính tâm hồn người tù chiến sĩ ung dung tự tại, bị giải tù mà như đang thưởng ngoạn cảnh trời chiều và thả tâm hồn thi sĩ chứ không còn là cảnh tù đầy mệt mỏi nữa. Qua đó ta thấy tác giả không hề để lộ cái mệt mỏi, cô đơn của chính mình. Đó chính là TINH THẦN THÉP vĩ đại của người tù – thi sĩ Hồ Chí Minh.

Nhìn chung, hai câu đầu bài thơ có phảng phất nỗi buồn của lòng người, của tâm trạng người tù nhưng cảnh buồn mà không chút bi lụy. Th.s Nguyễn Đức Hùng nhận xét rằng "Những buổi chiều như vậy, đâu có thiếu trong văn chương cổ kim; nhưng nếu cảnh ấy qua cái nhìn của một Lý Bạch tiêu diêu, một Khuất Nguyên u uất chắc chắn sẽ đầy ảm đạm, thê lương. Còn ở đây, nếu không rõ xuất xứ, nhiều người sẽ lầm tưởng "Mộ" là bài thơ của thời Thịnh Đường"

Cảnh chiều tà nơi vùng sơn cước có chút hiu hắt vắng lặng gợi lên cái băng khuâng man mác trong lòng người đọc nhưng sự biến chuyển của hai câu sau nhanh chóng xóa đi cái hiu hắt vốn có của núi rừng. Đó chính là lúc mà đôi mắt yêu thương và trái tim nhân ái bao la của Người bắt gặp vẻ đẹp của con người lao động:

"Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng"

Sinh thời Hồ Chí Minh chỉ có một ao ước lớn: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Nghĩa là ao ước của Người luôn hướng về nhân dân, nhân dân ở đây không chỉ hiểu là dân tộc Việt Nam ta mà còn là nhân dân cần lao trên thế giới. Đó chính là tinh thần nhân đạo cao cả của Quốc tế cộng sản.

Câu thơ nguyên bản "Sơn thôn thiếu nữ" dịch là "Cô em xóm núi" đứng trên bình diện nghĩa của từ thì không có gì sai. Nhưng câu thơ dịch đã không thể hiện được

cái nhìn trân trọng của nhân vật trữ tình đối với con người; giọng điệu trang trọng của câu thơ nguyên tác không hiện diện trong lời thơ dịch. Người phụ nữ đã nhiều lần có mặt trong thơ chữ Hán, nhưng phần lớn họ đều thuộc giới thượng lưu hoặc chí ít cũng gần gũi với giới thượng lưu. Phần lớn người phụ nữ trong cổ thi đều mang nỗi buồn thương man mác vì chiến tranh sinh ly tử biệt hay lỡ dở tình duyên, Vương Xương Linh đời Đường từng viết Khuê oán:

"Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương thúy lâu.
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
Hồi giao phu tể mịch phong hầu."

Dịch thơ

"Cô gái phòng the chưa biết sầu
Ngày xuân trang điểm dạo lên lầu
Đầu đường chợt thấy tơ xanh liễu
Hồi để chồng đi kiếm tước hầu."

Cái mới ở đây là cũng viết về hình ảnh người phụ nữ nhưng thơ Bác lại viết về người dân lao động với cái nhìn trân trọng yêu thương mang niềm vui của tấm lòng nhân đạo. Hai chữ "thiếu nữ" gợi lên vẻ trẻ trung, tươi tắn của cô gái cùng với hoạt động xay ngô đã làm hiện lên vẻ đẹp khỏe khoắn, nhịp nhàng trong lao động. Hình ảnh này đã làm xôn xao cả buổi chiều cô quạnh mang đến cho bức tranh thơ sức sống và niềm vui lan tỏa. Có lẽ cũng chính vì vậy mà có một nhà phê bình nào đó từng nhận xét rằng "Không rõ trước Hồ Chí Minh đã có một "son thôn thiếu nữ" thực sự là người lao động bước vào thế giới của nàng thơ hay chưa? Chỉ biết rằng việc đặt hình ảnh "son thôn thiếu nữ" ở vị trí trung tâm của bức tranh phong cảnh chiều tối đã làm cho bức tranh thiên nhiên trở thành bức tranh về cuộc sống con người. Sự chuyển đổi ấy thể hiện một khuynh hướng vận động của hình tượng thơ và quan điểm nhân sinh của Bác. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Hồ Chí Minh cũng gắn bó với cuộc sống con người nơi trần thế đặc biệt là cuộc sống nhân dân lao động".

Tính hiện đại ở đây nữa chính là nghệ thuật biểu hiện. Tài hoa của Người là ở chỗ tả cảnh thiên nhiên, tả cảnh chiều tối mà không phải dùng đến một tính từ chỉ thời gian nào. Cả bài thơ không hề có chữ tối nào cả mà người đọc vẫn nhận ra chữ tối. Người dùng ánh lửa đỏ để thể hiện thời gian (trời có tối mới nhìn thấy lò than rực

hồng). Hơn nữa, người đọc còn cảm nhận được bước đi của thời gian từ chiều đến tối. Cô gái xay ngô từ khi trời còn ánh sáng; xay xong thì trời đã tối. Điệp ngữ liên hoàn (điệp ngữ vòng) "ma bao túc – bao túc ma hoàn" đã cho ta cảm nhận được thời gian đang vận động đang xoay theo từng vòng quay của cối xay ngô. Phải chăng Hồ Chí Minh đã có một phát hiện mới trong bút pháp tả thời gian. Rõ ràng, ngay cả khi tả cảnh chiều tối, thơ Hồ Chí Minh vẫn có sự vận động từ bóng tối ra ánh sáng. Vòng quay của chiếc cối chấm dứt, công việc kết thúc (bao túc ma hoàn) thì lò than cũng vừa đỏ (lô dĩ hồng), ánh lửa đỏ ấm nồng xuất hiện thật bất ngờ, tỏa sáng vào đêm tối xua tan đi cái lạnh lẽo hiu hắt của núi rừng. Đó cũng là lúc mà cô gái kia được quây quần bên mâm cơm ấm cúng của gia đình.

Chữ "hồng" nằm ở cuối bài thơ nhưng có một vị trí đặc biệt. Trong nghệ thuật Đường thi, chữ hồng được xem là nhãn tự là con mắt thần. Nó tạo nên cái thần thái đặc biệt cho bài thơ. Hoàng Trung Thông nhận xét rằng: Với một chữ "hồng", Bác đã làm sáng rực lên toàn bộ bài thơ, đã làm mất đi sự mệt mỏi, sự uể oải, sự vội vã, sự nặng nề đã diễn ra trong ba câu đầu, đã làm sáng rực lên khuôn mặt của cô em sau khi xay xong ngô tối. Chữ "hồng" trong nghệ thuật thơ đường người ta gọi là "con mắt thơ" (Thi nhãn hoặc là nhãn tự (chữ mắt nó sáng bùng lên, nó căn lại, chỉ một chữ thôi với hai mươi bảy chữ khác dẫn đầu nặng đến mấy đi chăng nữa. Với chữ "hồng" đó có ai còn cảm giác nặng nề, mệt mỏi, nhọc nhằn nữa đâu, mà chỉ thấy màu đỏ đã nhuộm lên cả bóng đêm, cả thân hình, cả lao động của cô gái đáng yêu kia. Đó là màu đỏ tình cảm Bác.

Như vậy chữ "hồng" rất xứng đáng là "ông thánh thứ hai mươi tám" của bài thơ. Ánh hồng ấy không chỉ tỏa ra từ chiếc bếp lửa bình dị của một "sơn thôn thiếu nữ" mà chủ yếu được tỏa ra từ tấm lòng nhân ái, tinh thần lạc quan của Hồ Chí Minh. Về nét nghĩa khác, chữ "hồng" còn là biểu hiện của cuộc vận động từ bóng tối ra ánh sáng. Thơ Hồ Chí Minh bao giờ cũng vậy, luôn hướng về ánh sáng. Trong bài thơ Tảo giải, chữ Hồng ấy cũng đã từng xuất hiện:

"Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng
Bóng tối đêm tàn sớm sạch không"

Chữ hồng ấy với chữ hồng trong Chiều tối có cùng một nét nghĩa là chỉ ánh sáng, chỉ niềm vui, sự lạc quan của người tù. Con đường cách mạng Việt Nam cũng vậy đi từ trong đêm trường nô lệ, đi trong chông gai để đến với con đường vinh quang.

"Đầu tường sớm sớm vàng dương mộc,
Chiều cửa nhà lao, cửa vãn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bùng soi."

(Trích nhật ký trong tù)

Thành công của bài thơ chính là yếu tố cổ điển kết hợp với hiện đại, giữa tâm hồn thi sĩ và tinh thần thép của người tù cách mạng. Bài thơ đã làm người đọc xúc động trước tình cảm nhân ái bao la của người tù chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh dù trong hoàn cảnh tù đầy nơi đất khách quê người nhưng Người vẫn vượt lên trên tất cả mọi sự khổ đau, đọa đày về thể xác để đưa đến cho người đọc những vần thơ tuyệt bút. Qua bài thơ ta càng hiểu, càng yêu hơn lãnh tụ Hồ Chí Minh của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Xin được mượn bốn câu thơ của nhà thơ Tố Hữu thay cho lời kết:

"Lại thương nỗi đọa đày thân Bác
Mười bốn trăng tê tái gông cùm
Ôi chân yếu, mắt mờ tóc bạc
Mà thơ bay cánh hạc ung dung"

8. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 6

"Bác Hồ, Người là tình yêu thiết tha nhất trong lòng dân và trong trái tim nhân loại". Trong cuộc sống đời thường, Bác giản dị với nếp sống thanh cao. Trong công việc, Bác là người nghiêm túc và chu toàn. Đến với thơ ca, tâm hồn và vẻ đẹp của Bác được thể hiện rõ nét qua những vần thơ với sức truyền cảm mạnh mẽ.

"Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp
Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh
Vần thơ của Bác vần thơ thép
Mà vẫn mệnh mông mênh bát ngát tình"

Thơ Bác đâu chỉ hay thôi mà còn đẹp nữa, đẹp bởi chính hồn thơ, bởi chính tinh thần "thép" trong thơ và bởi chính tình ý của thơ. Chiều tối là một bài thơ tiêu biểu cho thơ Bác, thể hiện rõ sự kết hợp giữa nét cổ điển và tinh thần hiện đại, một tác phẩm thành công của nền văn học nước nhà.

Bài thơ chiều tối được sáng tác vào năm 1943, trong khoảng thời gian Bác bị chính sách quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam, chịu nhiều đày ải, khi chuyển từ nhà giam Tĩnh Tây đến nhà giam Thiên Bảo, lấy cảm hứng từ buổi chiều chuyển lao. Bài thơ

được viết theo thể thất ngôn tứ tuyệt, tứ thơ độc đáo, vận động một cách tài tình. Người tù đang bị áp giải giữa núi rừng bạt ngàn, chiều dần buông xuống khiến lòng người thấp thoáng nỗi buồn chơi vơi. Có lẽ, trong các khoảng khắc thời gian của một ngày, thì buổi chiều là lúc con người chất chứa nhiều tâm trạng và nỗi lòng nhất, cũng bởi vậy mà trong thơ cổ thường dùng cánh chim chiều hoàng hôn để gợi nỗi buồn.

"Quyện điều quy lâm tầm túc thụ
Cô vân mạn mạn độ thiên không"

Cảnh được gợi lên bằng bút pháp ước lệ tượng trưng quen thuộc trong thơ xưa, cánh chim mòn mỏi chiều tà gợi sự xót xa, thương cảm. "Cô vân mạn mạn", giữa vô vàn chòm mây trên bầu trời thì có một chòm mây lại cô độc, đơn lẻ giữa khoảng không. Đó là hình ảnh ẩn dụ cho người tù bị lưu đày nơi đất khách quê người, dường như giữa cảnh vật và con người có sự đồng điệu, cảm thông, hoà quyện giữa hồn và cảnh. "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ", cảnh vật thể hiện tâm trạng, có chút gì đấy lẻ loi, buồn lòng sâu thẳm nơi đáy lòng người chiến sĩ. Hai câu thơ mang phong vị Đường thi nhưng vẫn chất chứa nét riêng trong thơ Bác. Thiên nhiên phảng phất nét buồn nhưng không bi lụy. Mỗi một thì nghỉ ngơi để rồi ngày mai lại bắt đầu cuộc hành trình mới, một cuộc sống mới. Đó là sự nỗ lực, là tâm hồn hướng tới sự sống, khát khao thoát khỏi những tù túng, vươn tới tự do như cánh chim ngang trời, nhẹ nhàng mà an nhiên.

Nếu hai câu đầu là bức tranh thiên nhiên cao rộng thì dòng cảm xúc hai câu cuối là bức tranh sinh hoạt đời thường

"Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng."

Hình ảnh người con gái được thể hiện nhiều trong thơ ca, nếu trong văn học trung đại, người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng yếu đuối và số phận đầy long đong, lận đận, chìm nổi, trong thơ lãng mạn họ phảng phất nét buồn thì trong thơ Bác đó là con người giản dị, bình thường, công việc tuy vất vả nhưng đáng yêu và đáng trân trọng. Hình ảnh "cô em" nổi bật trước thiên nhiên, con người đang làm chủ cuộc sống, trẻ trung và đầy khoẻ khoắn, làm việc hăng say thật đáng quý biết bao. Bức tranh thiên nhiên hoà quyện hình ảnh con người dường như càng sinh động, ấm áp hơn. "Ma bao túc....bao túc ma hoàn", sự sáng tạo trong điệp ngữ vòng tạo nên sự nhịp nhàng trong vòng quay của công việc. Không gian từ trời đất cao rộng, bao la

dần thu hẹp lại bên không gian sinh hoạt gia đình-bếp lửa "Xay hết lò than đã rực hồng" . Chỉ bằng một từ "hồng", được coi là nhãn tự bài thơ cùng bút pháp điểm xuyết khiến cho bao nhiêu cảm xúc ý tứ dường như được dồn nén, chất chứa bấy lâu được bung toả. "Hồng" - đó là ánh sáng của niềm tin, hy vọng, là ngọn lửa của ánh sáng xua tan bầu trời đêm, là ngọn lửa của hơi ấm xua tan đi lạnh lẽo, cô độc, là ngọn lửa của niềm vui, niềm lạc quan của tan nỗi buồn, mệt nhọc của thực tại. Tâm hồn thi sĩ giờ đây chất chứa tình yêu, niềm thương mến hướng về đất nước, về mong ước ngày dân tộc hoà bình, thứ ánh sáng ấy to lớn và cao đẹp biết nhường nào. Bác vẫn như thế, dẫu thực tại có gian khổ đến đâu, Người vẫn luôn hướng về thiên nhiên, vẫn đau đáu nỗi lo cho cuộc sống ấm no của dân tộc.

Bằng biện pháp kết hợp hài hoà hình ảnh cổ điển và tinh thần hiện đại, cách diễn đạt cô đọng mà hàm súc, cảm xúc dồn nén vào bên trong ý tưởng. Bút pháp gợi với những hình ảnh quen thuộc bình dị mà giàu cảm xúc, bài thơ Chiều tối đã thể hiện được tâm hồn Bác, con người dù trong đau khổ trong xiềng xích vẫn vững niềm tin phía trước, vẫn giữ tinh thần thép trong cuộc sống. Đồng thời thấy được tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước và ý chí sắt đá của người chiến sĩ. Đồng thời, bài thơ cũng minh chứng cho nét độc đáo trong phong cách thơ Bác như một nhà thơ từng nhận định rằng "Thơ Bác đi từ ngôn ngữ đến hình tượng thơ luôn luôn có sự vận động hướng về sự sống, ánh sáng, tương lai".

9. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 7

Trong tập Nhật ký trong tù của Hồ Chí Minh, sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và yếu tố hiện đại, giữa tâm hồn của người chiến sĩ và thi sĩ luôn luôn được thể hiện một cách tinh tế, sâu sắc và thấm thía qua nhiều thi phẩm. Nhưng tiêu biểu và độc đáo nhất có lẽ vẫn là ở tứ thơ Chiều tối, đây là bài thơ có vị trí rất quan trọng trong toàn bộ tập thơ Nhật ký trong tù, là một phần quan trọng trong bức tranh chân dung tự họa của Hồ Chí Minh, thể được cái tinh thần lạc quan, luôn hướng về sự sống dù ở bất kỳ hoàn cảnh nào khắc nghiệt đi chăng nữa.

Chiều tối (Mộ) là bài thơ số 31 trong 134 bài thơ của tập Nhật ký trong tù. Được sáng tác vào cuối thu năm 1942, khi Hồ Chí Minh bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam và áp giải từ nhà lao Tĩnh Tây đến Thiên Bảo (Trung Quốc). Chiều tối là nỗi lòng của Hồ Chí Minh trong một lần chuyển ngục nhân cảnh trời chuyển tối. Bài thơ được viết bằng chữ Hán, thuộc thể thơ tứ tuyệt, tiêu biểu cho thơ trữ

tình của Hồ Chí Minh. Nhà thơ không trực tiếp bộc lộ những cảm xúc nội tâm mà thông qua cách cảm nhận hình ảnh và cảnh vật để bày tỏ tình cảm của mình.

Hai câu thơ đầu là bức tranh thiên nhiên núi rừng vào lúc chiều tối:

“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không”

Bài thơ viết về một thi đề hết sức cổ điển và quen thuộc đó là cảnh chiều tối, đã từng xuất hiện nhiều trong thi ca từ xưa đến nay, ví như cảnh “Bước tới đèo Ngang bóng xế tà” trong bài thơ Qua đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan hay trong câu “Nhật mộ yên quang hà xứ thị?/Yên ba giang thượng sử nhân sầu” trong Hoàng Hạc lâu của Thôi Hiệu. Cùng với thi đề cổ điển, trong bài còn xuất hiện các thi liệu cổ điển, cũng thường xuất hiện trong nhiều bài thơ, đó là hình ảnh cánh chim, góc rừng, gốc cây cổ thụ, đám mây, bầu trời, xóm núi nghèo, ... Những thi liệu ấy có thể coi là chút hương xưa của đất nước, là nỗi niềm hoài cổ của Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn trân trọng và lưu giữ trong thơ mình, đó còn là những sợi dây nối cánh điệu thơ của Bác với cội nguồn thi ca truyền thống.

Tuy mang trong mình nhiều nét cổ điển truyền thống, nhưng thơ của Bác vẫn mang hơi hướng hiện đại, tinh thần thời đại rất sâu sắc. Câu “Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ”, ở đây cánh chim của Bác không phải là cánh chim lạc lõng, không định hướng trong thơ cổ, mà là một cánh chim mỏi mệt sao ngày dài vất vả cực nhọc kiếm ăn, nay tìm về rừng tìm chỗ trú ngụ. Từ đó, ta liên tưởng đến cảnh ngộ thực tế của Bác, Bác bị áp giải, phải đi một chặng đường dài băng rừng vượt suối, nên cũng như cánh chim kia Bác mong muốn được dừng chân nghỉ ngơi, để xua tan đi cái mệt đang hành hạ, đó là chất hiện đại trong thơ. Hình ảnh chòm mây trôi lững lờ trên tầng không, thể hiện được cái phong thái ung dung, tản mạn, tự do của tâm hồn người thi sĩ tương tự với nhiều cách diễn đạt cổ điển, nhưng cũng lại mang nét hiện đại, điều đó đối chiếu vào tâm trạng người tù lúc này đây. Hình ảnh đám mây lạc lõng, chính là tâm trạng cô đơn, lẻ loi của nhà thơ trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ nơi xứ người. Tổng hòa lại, hai câu thơ đầu nói lên nỗi mệt mỏi, cô đơn, mất phương hướng và kèm theo đó là lòng yêu thiên nhiên tha thiết của tác giả, thông qua bút pháp tả cảnh ngụ tình để truyền đạt cảm xúc.

Hai câu thơ tiếp, Chiều tôi không còn là bức tranh thiên nhiên chỉ có cảnh vật nữa, mà ở đây là bức tranh cuộc sống, sinh hoạt, có sự sống của con người, hơi ấm tình thương đã bắt đầu xuất hiện.

“Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết, lò than đã rực hồng”

Ở đây có sự vận động, dịch chuyển của thời gian rất rõ nét, từ chiều tối sang tối hẳn, từ khung cảnh thiên nhiên mang tính ước lệ đã chuyển sang bức tranh đời sống rất gần gũi và chân thực, từ không gian rừng núi lạnh lẽo sang không gian làng xóm ấm áp. Hình ảnh con người - trung tâm của bức tranh là thiếu nữ xóm núi đang xay ngô, tỏa sáng lấp lánh ba vẻ đẹp. Đầu tiên là vẻ đẹp của tuổi trẻ căng tràn sức sống, vẻ đẹp của công việc lao động đời thường bình dị. Nếu khi xưa hình ảnh người thiếu nữ thường gắn liền với chốn khuê phòng, trướng rủ màn che, là phận liễu yếu đào tơ, thì trong thơ Bác hình ảnh thiếu nữ lại hiện lên thật khác thật mới, cô gái bên cối xay ngô, làm một công việc lao động tay chân khỏe khoắn, bừng lên vẻ đẹp của sức mạnh tuổi trẻ, chạy đua với thời gian, xay cho kịp trước khi trời tối. Cuối cùng là vẻ đẹp của mối quan hệ mỹ học mới mẻ giữa con người với thiên nhiên, so sánh với thơ xưa, con người thường xuất hiện thật nhỏ bé, mất tăm mất hút giữa thiên nhiên, thường mang nỗi sầu muộn trước thiên nhiên, gửi gắm vào thiên nhiên. Nhưng trong thơ Bác, con người xuất hiện giữa thiên nhiên, với vị trí trung tâm nhất, nổi bật lên hẳn so với thiên nhiên, con người và thiên nhiên giao hòa với nhau.

Hình ảnh sự sống ở hai câu thơ được kết hợp giữa hai nét vẽ cổ điển và hiện đại. Đầu tiên nét vẽ cổ điển thể hiện ở việc Bác đã dùng bút pháp lấy cái sáng để tả cảnh tối, vốn là một loại bút pháp rất cổ điển của thơ ca phương Đông. Lấy hình ảnh “lò than đã rực hồng”, lấy cái màu hồng rực để làm nổi bật lên sự chuyển đổi của thời gian, trời đã tối hẳn thế nên lò than mới sáng rực lên như thế. Nét vẽ cổ điển ấy lại được đan xen, trộn lẫn giữa những nét vẽ hiện đại, mà tựu chung lại chỉ ở một chữ “hồng” nơi cuối bài. Nếu như tất cả 27 chữ đầu đều chỉ tập trung nói về cảnh chiều, mang cái không khí lạnh lẽo, thì buổi tối với cái màu “hồng” của lò than đã đem lại một cảm giác ấm áp của lò than, của tình người. Chuyển đổi từ cảm giác cô đơn, mỗi một sang cảm giác sum vầy của bếp lửa gia đình, từ nỗi buồn phảng phất chuyển sang niềm vui tỏa sáng. Cũng chính là sự vận động từ tối sang sáng, là nhân sinh quan rất tích cực của người chiến sĩ cách mạng, thể hiện sự lạc quan, tin tưởng và cuộc sống. Dù trong những tháng ngày khổ lao, mòn mỏi, trong sự hoang mang

vì không biết sẽ bị giam giữ đến bao giờ nhưng Hồ Chí Minh vẫn rất lạc quan, quan sát vẻ đẹp của thiên nhiên và quan tâm đến cuộc sống của người dân Trung Quốc, thể hiện tư cách của một vĩ nhân, một con người luôn có tình thương yêu với nhân dân dù là quốc gia nào đi chăng nữa.

Qua bài thơ Chiều tối, từ bức tranh thiên nhiên, từ bức tranh cuộc sống sinh hoạt của con người, ta thấy nổi bật lên vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh. Đó là một tâm hồn luôn luôn hướng về sự sống và ánh sáng dù trong bất cứ tình huống nào, chủ nghĩa lạc quan luôn luôn gắn liền với lòng nhân ái và tình yêu thiên nhiên tha thiết của người chiến sĩ đồng thời cũng là một thi sĩ xuất sắc. Về nghệ thuật, bút pháp gợi tả thiên nhiên tinh tế và giản dị, kết hợp với bút pháp tả cảnh ngụ tình, có sự kết hợp rất nhuần nhuyễn giữa tính cổ điển và hiện đại trong từng vần thơ, từng hình ảnh thơ, tất cả đã tạo nên một thi phẩm xuất sắc mang dấu ấn đậm nét của vị lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh.

10. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 8

Chủ tịch Hồ Chí Minh - không chỉ là một người con vĩ đại của dân tộc mà khi nhắc đến cái tên ấy trong lòng mỗi người đều có những cảm xúc riêng. Bác không chỉ là một nhà chính trị tài ba lỗi lạc, một vị cha già giàu lòng nhân ái, yêu thương mà Bác còn là một nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc. Tố Hữu từng viết:

"Vần thơ của Bác vần thơ thép
Mà vần mênh mông bát ngát tình"

Thật vậy, thơ Bác là sự kết tinh tình cảm của một trái tim lớn thiết tha với dân tộc. Bài thơ "Chiều tối" là một bài thơ như thế, tiêu biểu cho phong cách thơ của Người. Phải đặt bài thơ trong hoàn cảnh khi Bác đang bị bắt và giải từ nhà lao Tĩnh Tây đến nhà lao Thiên Bảo mới thấy được hết giá trị của nó.

"Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây lơ lửng giữa tầng không"

Những buổi hoàng hôn thường mang dư vị buồn, bởi vậy, những con người xa quê mang nỗi nhớ da diết khi chiều tối lại càng thêm nhớ thêm thương. Cánh chim trên bầu trời kia sau ngày dài kiếm ăn mỏi mệt, bay nặng nề trên không trung về tổ ấm của mình để nghỉ ngơi. Chòm mây cũng nhỏ bé vô định giữa khoảng không bao la rợn ngợp. Chòm mây lơ lửng trôi nhẹ nhàng, bình yên đến vậy mà sao gợi nỗi buồn mênh mang. Phải chăng thiên nhiên ấy đang chứa đựng nỗi lòng của người tù cách

mạng đang một mình đơn độc giữa núi rừng bạt ngàn nơi đây, lấy cánh chim với đám mây kia làm người bạn tâm giao gửi gắm nỗi lòng. Thiên nhiên dường như mang hồn cốt nỗi lòng của thi nhân, có khi cũng mỗi một đó nhưng vượt lên trên tất cả vẫn là khát khao trở lại quê hương như cánh chim kia tự do bay về tổ ấm của mình sau hành trình dài mỗi một.

"Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết lò than đã rực hồng"

Nếu hai câu trên là khung cảnh thiên nhiên đượm buồn, cô đơn, lẻ loi, thì hai câu cuối mang dáng dấp của sự sống con người. Bức tranh ấy được trọn vẹn và sống động hơn bao giờ hết. Cảnh vật và con người hoà quyện vào nhau. Giữa núi rừng ấy là hình ảnh người con gái xay ngô tối đầy tập trung, siêng năng, miệt mài. Bên ánh lửa giữa bầu trời đêm, cô gái hăng say làm việc. Một bức tranh sinh hoạt bình dị, đời thường mà khoẻ khoắn, gợi nét sinh động trong đời sống nhân dân. Giữa thiên nhiên bao la, cô em trở nên nổi bật và hấp dẫn lạ thường. Phải chăng đó là niềm mong ước của Bác gửi gắm vào những vần thơ về niềm tin vào một ngày đất nước hoà bình, nhân dân được bình yên, tự do lao động, tăng giá sản xuất chẳng còn nỗi lo mất nước.

“Xay hết lò than đã rực hồng”

Chữ "hồng" trở thành nhãn tự của bài thơ, chỉ một từ thôi mà nó chất chứa bao nhiêu ý nghĩa. Ánh than hồng xua tan đi màn đêm giá lạnh, xua tan nỗi cô độc của người tù nhân chốn xa xôi. Ánh than hồng là ánh sáng của cách mạng, là niềm tin vào tương lai, ánh than hồng chất chứa niềm hy vọng, sưởi ấm, thắp lên ngọn lửa tin yêu, lòng yêu nước thiết tha, hướng về sự sống, về ngày mai tốt đẹp. Ánh than hồng thật ấm áp, thân thương như tấm lòng Bác vậy.

Bài thơ chỉ bốn câu thôi mà sao nhiều ý vị đến vậy. Từ trong gông cùm, trong đau thương nhọc nhằn, Bác vẫn không hề bi quan, chán nản mà trái lại rất lạc quan, luôn hướng đến niềm vui, hướng đến sự sống với bao hy vọng. Bác không ngại vất vả gian nan, quên đi đau khổ của thực tại mà viết nên những vần thơ quá đỗi đẹp đẽ và thương yêu.

Nếu trong văn chính luận, văn phong Bác sắc sảo, chắc chắn, giàu sức thuyết phục với những lý lẽ chính xác, khách quan thì trong thơ Bác lay động lòng người bởi sự bình dị mà sâu sắc. Sự kết hợp vô cùng nhuần nhuyễn giữa vẻ đẹp cổ điển và nét

hiện đại giúp thơ Bác mang một phong cách riêng, độc đáo, tài hoa. Đọc bài thơ “Chiều tối”, em càng thêm khâm phục Bác, càng trân quý tự do và hoà bình hôm nay. Và tự hứa với lòng, dù trong khó khăn thử thách của cuộc sống vẫn không nản chí, giữ vững tinh thần lạc quan và niềm tin tất thắng ngày ngày phấn đấu nỗ lực hơn để xứng đáng là thế hệ trẻ bản lĩnh, tài năng như cách sống của Người.

Bài tiếp theo: [Phân tích bài thơ Từ ấy của Tố Hữu](#)

11. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 9

Nguyễn Ái Quốc không chỉ là một nhà văn hóa, một anh hùng dân tộc lỗi lạc mà còn là nhà văn, nhà thơ lớn. Người đã để lại một sự nghiệp văn chương phong phú về thể loại, đa dạng về phong cách và sâu sắc về tư tưởng. Trong đó bài thơ “Mộ” là một ví dụ. Bài thơ “Mộ” (“Chiều tối”) của Nguyễn Ái Quốc thể hiện được tình yêu thiên nhiên và tình yêu quê hương đất nước sâu sắc.

“Quyện điều quy lâm tầm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không.

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.”

Bức tranh thiên nhiên được thể hiện trong bối cảnh không gian quen thuộc không gian rừng già mênh mông và bầu trời rộng lớn mà tác giả kiến mục trên con đường áp giải từ nhà ngục Tĩnh Tây sang nhà lao Thiên Bảo:

“Quyện điều quy lâm tầm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không.”

(“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không.”)

Tác giả đã sử dụng bút pháp pháp có tính chất chấm phá, điểm xuyết chứ không miêu tả cụ thể, tỉ mỉ khi miêu tả thiên nhiên, cảnh vật. Hình ảnh cánh chim trong lúc hoàng hôn cho thấy điều này. Tác giả đã lấy không gian để gọi thời gian bởi hình ảnh cánh chim bay về rừng già gợi ra thời điểm chiều muộn. Khi một ngày lao động vất vả kết thúc, cánh chim bay về rừng già tìm một chốn nghỉ ngơi. Mặt khác, tác giả đã thả hồn mình vào trong cánh chim vì thế mà cánh chim mới có tâm trạng “mỏi”. Điều này cũng tương tự như nhà thơ trên con đường dài.

“Năm mươi ba cây số một ngày

Áo mũ dầm mưa, rách hết giày”

(“Sơ đảo Thiên bảo ngục” – Hồ Chí Minh)

Trong câu thơ thứ hai, hình ảnh tròn mây đơn độc chứng tỏ một tâm trạng khác của nhà thơ. Chữ “cô” trong câu văn được dịch thành “chòm” có vẻ như đã đánh mất sức biểu đạt tâm trạng. Nó không chỉ là một đám mây đơn thuần đang lững lờ trôi mà nó còn lơ lửng, cô độc trên bầu trời cao rộng. Con người cũng vậy thôi, khi đất nước còn đang nô lệ có ai lại thấy an yên, vui vầy, hạnh phúc. Với một tâm hồn yêu nước lớn lao như Hồ Chí Minh thì điều này càng khó hơn. Qua đây, ta thấy được sự hòa hợp tuyệt đối giữa con người với thiên nhiên.

Hai câu thơ sau giọng thơ và hình ảnh thơ và sự thay đổi hoàn toàn. Không gian trở nên gần gũi hơn và thời gian bắt đầu về tối:

“Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,

Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.”

(“Cô em xóm núi xay ngô tối,

Xay hết, lò than đã rực hồng.”)

Bối cảnh chuyển về điểm nhìn của cuộc sống con người. Con người trở thành chủ thể. Hơn nữa, chủ thể ấy còn là “sơn thôn thiếu nữ” – một hình ảnh rất quen thuộc đối với con người ở vùng núi. Khoảng thời gian về tối nhưng dường như nó không gọi nên sự hiu quạnh mà bức tranh thật ấm áp với hình ảnh lò than rực hồng ánh sáng. Ánh sáng ấy như xua tan bóng đêm, không khí lạnh, sự hiu quạnh của núi rừng mà ta bắt gặp trong 2 câu thơ trước đó. Từ “ma bao túc” lặp lại ở cuối câu thơ thứ nhất và đầu câu thơ thứ hai tạo ra một vòng tuần hoàn liên tục giống như một chuỗi nhịp điệu đều đặn của người con gái. Cô gái bản như đang hăng say lao động vừa tràn đầy sức sống vừa tràn đầy niềm vui cống hiến. Nhân tự “hồng” rất đặc biệt, nó thể hiện nét phong cách trong văn chương Nguyễn Ái Quốc – luôn luôn hướng về ánh sáng, về tương lai. Bếp than hồng là cảnh thực nhưng lại mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Nó biểu tượng cho cuộc đấu tranh trường kỳ của dân tộc. Bếp than âm ỉ cháy mỗi đêm và đợi đến một lúc nào đó khi thời cơ chín muồi nó sẽ bùng lên thành ngọn lửa rực rỡ nhất. Nguyễn Ái Quốc gửi mọi niềm tin, sự lạc quan vào

trong cuộc đấu tranh của dân tộc. Và điều này đã thực sự được chứng minh trong lịch sử sau đó.

Tóm lại, bài thơ “Mộ” của Hồ Chí Minh có nhiều đặc sắc nghệ thuật: giàu màu sắc cổ điển và tinh thần hiện đại, ngôn từ phong phú giàu sức gợi, nội dung mới mẻ, diễn đạt giản dị mà sâu sắc... Qua đó tác phẩm diễn tả bức tranh thiên nhiên, bức tranh tâm trạng và bức tranh lòng người của một bậc đại trí, đại dũng. Thơ Hồ Chí Minh vẫn luôn thể hiện được niềm tin vào công lý và khát vọng Chân – Thiện – Mỹ.

12. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 10

Bác Hồ khi xưa đã từng nói rằng: “Làm thơ ta vốn không ham/ Nhưng mà trong ngục biết làm chi đây/ Ngày dài ngâm ngợi cho khuây/ Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do”. Trong lời giải bày bác vốn không ham làm thơ, nhưng khoảng thời gian trong ngục làm thơ ngâm ngợi để vui đi nỗi buồn, đồng thời làm thơ cũng là để thể hiện ý chí sắt đá của người chiến sĩ cách mạng. Trong tập Nhật kí trong tù ta không thể không nhớ đến bài thơ Chiều tối, tác phẩm được sáng tác khi bác chuyển từ nhà lao Tĩnh Tây đến nhà lao Thiên Bảo. Bài thơ đã làm bật lên tinh thần kiên cường của người tù cách mạng.

Mở đầu tác phẩm mở ra khung cảnh, bức tranh thiên nhiên chiều tối:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không

Bức tranh chiều tối được gợi lên từ hai hình ảnh: cánh chim, chòm mây. Cánh chim vốn là thi liệu quen thuộc trong thơ xưa như: “Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi” (Bà Huyện Thanh Quan) hay “Chim hôm thoi thót về rừng” (Nguyễn Du). Những cánh chim thường gợi về nỗi cô đơn, gợi nhắc, gợi nhớ về một quãng thời gian nào đó. Còn cánh chim trong thơ bác lại xuất hiện hoàn toàn khác, sau một ngày kiếm ăn mệt mỏi, chúng trở về tìm chốn nghỉ ngơi. Chúng bay đi có mục đích, phương hướng, không hề vô định như trong thơ cổ. Cánh chim ấy gợi liên tưởng về sự tương phản với hoàn cảnh của bác. Chòm mây trên trời cô đơn, lững lờ trôi giữa không gian mênh mông, cái cô độc của chòm mây cũng như chính sự cô đơn, lẻ loi của Bác. Bức tranh thiên nhiên không còn dừng lại ở miêu tả bề ngoài mà nó còn là bề sâu của tâm cảnh, ta thấy được tình yêu thiên nhiên của người tù. Bằng những quan sát hết sức tinh tế Bác đã nắm bắt được cái thần, cái hồn của cảnh vật, một không gian chiều mơ màng, thanh bình. Không chỉ vậy ta còn thấy được nỗi cô đơn,

mệt mỏi của người tù nhân, khi phải trải qua một hành trình dài, di chuyển từ nhà lao này đến nhà lao khác. Nhưng đằng sau nỗi cô đơn ấy còn là một bản lĩnh kiên cường, sắt đá của người chiến sĩ.

Bức tranh của Bác không dừng lại ở đó, từ không gian của thiên nhiên, người tù di chuyển điểm nhìn để thấy hơi thở của cuộc sống sinh hoạt bình dị, đời thường mà vô cùng ấm áp:

Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết, lò than đã rực hồng.

Đến đây con người đã trở thành trung tâm của bức tranh. Hiện hiện trong khung cảnh sinh hoạt là người thiếu nữ xóm núi đang xay ngô. Hình ảnh chân thực, bình dị và vô cùng đời thường nhưng lại lấp lánh tỏa sáng. Đó là ánh sáng của tuổi trẻ, của sức sống hừng hực nơi người con gái; ánh sáng tỏa ra từ công việc lao động bình dị; đồng thời còn là vẻ đẹp của mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên: con người là trung tâm, là chủ thể của vũ trụ. Trước thiên nhiên bao la con người không bị lu mờ mà được làm rõ nổi bật hơn.

Câu thơ cuối là sự kết hợp hài hòa giữa nét vẽ cổ điển và nét vẽ lãng mạn. Tính cổ điển được thể hiện ở bút pháp dùng ánh sáng để nói bóng tối. Hình ảnh lò than rực hồng, tỏa rạng một khoảng không gian đã tái hiện thành công bóng tối bao phủ xung quanh đây. Nhưng đồng thời đây cũng là câu thơ hết sức hiện đại. Chữ hồng là nhãn tự của bài thơ, làm bừng sáng cả không gian tăm tối đang bao trùm. “Hồng” thể hiện sự vận động theo hướng từ chiều đến tối, từ lạnh lẽo đến ấm áp (ấm của sự sống, của sinh hoạt lao động con người), từ sự cô đơn đến sum họp và từ nỗi buồn đến niềm vui. Đây là sự vận động từ bóng tối ra ánh sáng thể hiện niềm tin, lạc quan vào tương lai tương sáng của người chiến sĩ cách mạng.

Bài thơ sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc. Bút pháp gợi tả thiên nhiên giản dị, tự nhiên mà vô cùng chân thực. Có sự đan xen, hòa quyện một cách nhuần nhuyễn giữa màu sắc cổ điển và hiện đại.

Chiều tối đã khắc họa thành công bức tranh thiên nhiên và bức tranh cuộc sống của con người nơi núi rừng hoang dã. Đằng sau bức tranh ấy là vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh: luôn mang trong mình tinh thần lạc quan, tin tưởng dù gặp khó khăn vẫn luôn tin rằng ánh sáng đang đợi dân tộc, đất nước nơi cuối con đường.

13. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 11

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng, một người chiến sĩ quốc tế luôn mang trong mình tình yêu quê hương đất nước và khát khao giải phóng dân tộc. Cả cuộc đời Bác dành cho sự nghiệp cách mạng không chỉ vậy Bác còn là một nhà văn hóa lớn có nhiều đóng góp trong lĩnh vực văn chương.

Cảm hứng thi sĩ đến bất cứ lúc nào với người chiến sĩ cộng sản dù cho khi bị giam bắt, tù đầy nhưng không thể giam cầm được tâm hồn của Người. Bài thơ “Chiều tối” là tác phẩm được sáng tác khi Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam vô cớ nhưng vẫn thể hiện tình yêu thiên nhiên, con người và tinh thần lạc quan, có niềm tin vào tương lai tươi sáng của Hồ Chí Minh.

Vào tháng 8 năm 1942 Bác sang Trung Quốc để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, sau nửa tháng đi bộ đến Túc Vinh tỉnh Quảng Tây và bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam trong suốt mười ba tháng, những tháng ngày bị tù đầy ấy Bác đã sáng tác tập thơ “Nhật kí trong tù” bằng chữ Hán với số lượng 134 bài.

Trong đó bài thơ “Chiều tối” là bài số 31 khi Người bị thiên chuyển từ nhà lao Tĩnh Tây sang nhà lao Thiên Bảo năm 1942. Trong khoảnh khắc chiều tà mệnh mông cùng với tâm hồn thi nhân đã tạo cảm hứng để người tù sáng tác gửi gắm vào thơ ca tâm trạng, tình cảm của mình. Nổi lên trong bài thơ là hình ảnh thiên nhiên và con người lao động nơi đất khách quê người.

“Chiều tối” được viết bằng chữ Hán theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Hai câu thơ đầu Bác đặc tả cảnh thiên nhiên núi rừng với hai hình ảnh tiêu biểu cánh chim mỏi mệt và đám mây cô đơn:

Quyện điều quy lâm tầm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không

Dịch thơ:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không

Với bút pháp chấm phá điểm nhãn, ước lệ tượng trưng mang đậm chất cổ điển của thi pháp phương Đông Bác đã khắc họa hình ảnh cánh chim mỏi mệt đang bay tìm chốn ngủ. Đó là chi tiết gợi không gian mệnh mông, gợi ý niệm thời gian buổi chiều đã về.

Trong thơ ca không ít lần ta có bắt gặp hình ảnh cánh chim ấy là “Truyện Kiều” của Nguyễn Du có viết: “Chim hôm thoi thóp về rừng” hay của bà Huyện Thanh Quan: “Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi” rồi trong “Tràng Giang” của Huy Cận là hình ảnh “Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều xa”.

Từ “Quyện” trong câu thơ mang nghĩa mỗi một chỉ tâm thế tồn tại của con người, là định ngữ cho danh từ “điều”, được dùng để đặc tả cho hình ảnh cánh chim. Cánh chim ở đây không chỉ được Bác quan sát trong sự vận động mà còn được cảm nhận từ bên trong là “Chim mỏi”.

Nhà thơ đã dùng cái hữu hạn của cánh chim để nói cái vô hạn của bầu trời. Trong khoảng trời mênh mông ấy chỉ có cánh chim nhỏ nhoi bay với đôi cánh mệt mỏi. Bác đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, tả hoạt động của tự nhiên để gợi thân phận, tâm trạng của mình.

Ở đây vừa có sự đối lập vừa có nét tương đồng. Đối lập là nếu con chim bị lạc đàn, bay mỏi sau một ngày kiếm ăn vất vả nhưng vẫn thoải mái tự do vào rừng tìm chốn ngủ còn nhà thơ vẫn bị kìm kẹp, giam cầm. Tương đồng tâm trạng giữa người tù và cánh chim chiều.

Phải chăng sau một ngày đi đường dài cổ đeo gông chân vướng xiềng Bác đã thấm mệt nên nhìn cánh chim bay Bác cũng cảm nhận được điều ấy, Bác cũng muốn được nghỉ ngơi sau ngày tù dài lê bước “Năm mươi ba cây số một ngày/Áo mũ dầm mưa rách hết giày”. Cội nguồn của sự đồng điệu ấy là tình yêu vô bờ mà Bác dành cho sự sống của vạn vật.

14. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 12

Không chỉ là một vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc mà Hồ Chí Minh còn là một trong những nhà thơ với nhiều tác phẩm nổi tiếng. Trong đó tập thơ “Nhật ký trong tù”, nó được đánh giá như một viên ngọc quý của nền văn thơ Việt Nam. Đặc biệt nhất là bài thơ “Chiều tối” được Bác sáng tác trên đường đi đày từ nhà lao Tĩnh Tây sang nhà lao Thiên Bảo.

Hình ảnh bình dị của một làng quê nơi thôn dã vào buổi chiều tối được Bác miêu tả rất chân thực, nhưng trong đó lại ẩn chứa một ước mơ, mong muốn sự tự do để có thể tiếp tục sứ mệnh giải phóng đất nước vô cùng lớn lao.

“Quyện điều quy lâm tầm túc thụ

Cô vẫn mạn mạn độ thiên không”

Dịch thơ:

“Chim bay mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không”

Hình ảnh những chú chim bay về tổ chính là lúc chiều tà, trên nền trời lững lờ trôi nhẹ một chòm mây làm toát lên vẻ đẹp yên bình, lặng lẽ của một buổi chiều nơi thôn dã, núi rừng. Bác ví mình như chòm mây trôi lững lờ, cô đơn không có một chốn để trở về, thế nhưng trên đường chuyển nhà lao vất vả Bác vẫn có được tâm thái ung dung tự tại, lạc quan.

Chỉ với hai câu thơ mở đầu ngắn gọn nhưng trong đó ẩn chứa rất nhiều hàm ý sâu sa, không chỉ vậy mà khung cảnh thiên nhiên còn được khắc họa vô cùng sinh động. Không chỉ mang hàm ý cô đơn mà hình ảnh chòm mây trôi nhẹ còn được Bác sử dụng để nói lên niềm khao khát, ước mong được tự do, được trở về với quê hương, anh em đồng chí.

Khung cảnh nơi rừng núi hoang vu, vắng vẻ được thể hiện rất chân thực qua con mắt của một người đang trong tình cảnh tù tội, gông cùm xiềng xích. Trong hoàn cảnh đó người tù vẫn thể hiện được khí phách hiên ngang, phong thái ung dung. Trong hai câu thơ cuối bài hình ảnh cô sơn nữ được đưa vào như một nét chấm phá bất ngờ mà tác giả muốn mang đến cho người đọc.

“Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc

Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.”

Dịch thơ:

“Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết, lò than đã rực hồng.”

Như một điểm sáng hiện lên giữa cảnh đồi núi bao la hùng vĩ khiến cho bức tranh sơn dã thêm sinh động và tươi vui hơn. Đây là nét đẹp vừa cổ điển mà lại hiện đại đặc trưng trong các sáng tác của Hồ Chí Minh. Sự xuất hiện của hình ảnh cô sơn nữ càng làm tăng thêm nét đẹp khỏe khoắn, đặc biệt nó là vẻ đẹp vô cùng đáng quý của người dân lao động.

Bản dịch thơ dường như không thể nào diễn tả được hết nghệ thuật, ý nghĩa mà tác giả sử dụng. Bạn có thể thấy rằng Bác đã dùng lặp lại từ “bao túc” ở trong hai câu thơ cuối, điều đó diễn tả được sự liên tiế, sự tuần hoàn như vòng xoay của cô sơn nữ. Cô gái đang miệt mài xay ngô bên bếp than hồng để chuẩn bị bữa tối, đó đều là những hình ảnh vô cùng giản dị nhưng lại có được sức cuốn hút rất lớn.

Kết lại, bài thơ “Chiều tối” của Hồ Chí Minh cho chúng ta thấy được một trái tim yêu nước, yêu thiên nhiên, yêu con người đến quên mình của Bác. Người luôn biết quan tâm đến những thứ bình dị và thân thuộc nhất, đó là một trong những đức tính vô cùng đáng quý và cao đẹp của một vị lãnh tụ.

15. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 13

"Chiều tối" là bài thơ ra đời trong khoảng thời gian đầu khi bác ở trong tù. Cũng trong thời gian đầu ấy, đã có nhiều bài thơ Bác ghi lại ảnh "trên đường"chuyển lao ("Năm mươi ba cây số một ngày/Áo mũ dầm mưa rách hết ngày"). Mới đến nhà lao Thiên Bảo) và bài này cũng nằm trong mạch các bài thơ "Đi đường"ấy. Bài thơ thể hiện một phong cách nghệ thuật nhất quán là sự thống nhất trong đa dạng của tập "Nhật kí trong tù".Đó chính là sự vận động của hình tượng thơ, trong thơ Bác bao giờ cũng từ bóng tối hướng ra ánh sáng, từ lạnh lẽo đến ấm áp, từ nỗi buồn đến niềm vui. Điều này cũng được thể hiện rõ trong bài thơ "Chiều tối ".

Trong bức tranh thiên nhiên nơi núi rừng xa lạ có gì như thoáng buồn ẩn chứa những liên tưởng mơ hồ:

Quyện điều quy lâm tầm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không

(Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây lơ lửng giữa tầng không)

Câu thơ mang màu sắc của cổ thi bởi bút pháp miêu tả chấm phá và những thi liệu quen thuộc của thơ cổ xưa. Không nói đến thời gian chính xác nhưng hình ảnh "cánh chim"đủ sức diễn tả không gian còn mang ý nghĩa thời gian. Hai câu đầu diễn tả cảnh vật trong một buổi chiều tối. Hình ảnh cánh chim và đám mây vừa giàu chất minh họa vừa nhớ đến tứ thơ quen thuộc của thi ca cổ điển. Sự mệt mỏi của cánh chim sự cô đơn của đám mây chiều là cảnh vật được nhìn qua tâm trạng của người tù tha phương. Trong lúc mệt mỏi ấy người tù vẫn dành cho thiên nhiên một tình

yêu lớn, người đã vẽ lên bức tranh đẹp và đậm chất cổ điển. Đó là biểu tượng của một buổi chiều tà, một chiều thu êm ả nhưng cảnh vật thoáng vẻ buồn, mệt mỏi và đơn chiếc.

Cảnh ấy có sự hài hoà với lòng người. Rõ ràng đó chính là sự đồng điệu giữa thiên nhiên và tâm trạng con người được thể hiện khá đậm nét. Song hình tượng thơ không dừng lại ở đó mà có sự vận động rất độc đáo. Từ một bức tranh thiên nhiên, lời thơ đã chuyển sang một bức tranh sinh hoạt bình dị.

Thời gian từ chiều muộn đã chuyển sang chiều tối. Cảm xúc của con người không còn thoáng buồn nữa mà đã thấy vui. Không gian cũng bừng sáng lên màu đỏ "rực hồng" của lò than:

Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết lò than đã rực hồng.

Hình ảnh cô gái xay ngô tối trở thành hình ảnh trung tâm của bài thơ, toát lên vẻ trẻ trung, khỏe mạnh sống động. Vẻ đẹp của bức tranh thể hiện ở hình ảnh người lao động. Tâm hồn Hồ Chí Minh luôn hướng về tương lai, về nơi có ánh sáng ấm áp của sự sống. Câu thơ mang đậm sắc thái hiện đại. Tác giả sử dụng thành công cấu trúc lặp liên hoàn: "Ma bao túc", "bao túc ma" hành động xay ngô lặp đi lặp lại diễn tả vòng tuần hoàn của cối xay ngô. Ở đó người ta nhận ra nhịp điệu trôi chảy của thời gian nhưng kì diệu chính là ở chỗ nhịp điệu của thời gian hoà vào nhịp điệu trong cuộc sống. Buổi chiều êm ả đã kết thúc để bước vào đêm tối, song đêm tối không lẽo âm u mà bừng sáng bằng ngọn lửa hồng.

Từ hai câu đầu đến hai câu cuối của bài thơ "Chiều tối" là sự vận động của tứ thơ từ nỗi buồn sang niềm lạc quan, từ bóng tối ra ánh sáng. Hai câu trên cảnh buồn và lòng cũng không vui. Cảnh ấy, tình ấy thể hiện ở hình ảnh cánh chim mỏi mệt về rừng và chòm mây cô đơn chậm chậm trôi qua lưng trời. Hai câu thơ lại là một niềm vui thể hiện ở hình ảnh ánh lửa hồng bỗng rực sáng lên. Ánh lửa hồng là niềm vui của con người làm tan đi cái cô đơn, mệt mỏi tàn lụi của buổi chiều nơi núi rừng hiu quạnh. Đó cũng chính là nét cổ điển nhưng vẫn khá hiện đại của bài thơ.

Sự vận động của hình tượng thơ từ thiên nhiên quạnh vắng đến con người lao động, đến sự sống đến ánh sáng và tương lai được thể hiện hết sức tự nhiên, giàu cảm xúc. Sự vận động này trong tư tưởng Hồ Chí Minh nằm xuyên suốt trong các bài thơ của tập "Nhật kí trong tù".

Bài thơ kết lại bằng chữ "hồng" chính là nhãn tự của bài thơ thu được cả linh hồn sức sống của toàn bài. Cả bức tranh bừng sáng bởi chữ "hồng" đó. Nó thể hiện niềm tin tưởng ý chí, nghị lực kiên cường của người tù cộng sản Hồ Chí Minh. Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh của ngọn lửa hồng mang lại cho người đọc cảm giác ấm áp và niềm vui. Ngọn lửa của sự sống vẫn còn lung linh tươi sáng và sưởi ấm mãi muôn đời.

Bài thơ vừa mang phong vị cổ điển vừa có phẩm chất hiện đại, dào dạt cảm xúc của thi nhân trước thiên nhiên và những con người lao động bình dị mà cao đẹp. Cảnh chiều tà vùng sơn cước trong cái nhìn của người tù trên đường lưu đày sự chuyển đổi của thời gian, cảnh vật.... đã làm cho bức tranh "chiều tối" không kết thúc với bóng đêm u tối, với cái buốt lạnh của núi rừng mà ấm sáng bởi ngọn lửa hồng - ngọn lửa của một trái tim, một tấm lòng yêu sự sống, yêu đời, yêu đất nước và lòng thương người vô hạn.

16. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 14

“Nhật kí trong tù” của Hồ Chí Minh là tập thơ ghi lại cảm xúc trong chuỗi ngày bị giam hãm ở nhà lao Trung Quốc. Đọc thơ của Hồ Chí Minh, người đọc nhận ra những dòng cảm xúc rất bình dị, đời thường. “Mộ” là một bài thơ như vậy, tái diễn lại một khoảnh khắc khi sắp kết thúc một ngày, là chiều tối.

Bài thơ “Mộ” ghi lại khoảnh khắc mà Hồ Chí Minh đi từ nhà lao Thiên Bảo đến Long Tuyền vào năm 1942. Cảm hứng chủ đạo chính là bức tranh và phong nền của thiên nhiên lúc về chiều, khi hoàng hôn sắp buông xuống. Phải thật tinh tế, sâu sắc, Hồ Chí Minh mới có thể diễn tả một cách đặc hiệu nhịp sống nhẹ nhàng nơi núi rừng như vậy.

Nguyên tác của bài thơ như sau:

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc

Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng.

Hai câu thơ đầu như một nét vẽ chấm phá tạo khiến cho cảnh bầu trời về chiều hiện lên rõ nét và mang một nỗi buồn man mác:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Tầng mây trôi nhẹ giữa tầng không

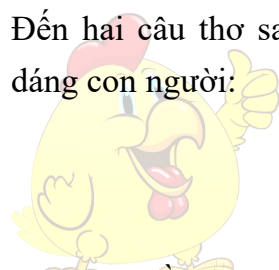
Nỗi buồn như loang nhẹ, lan ra cả hai câu thơ khiến cho giọng thơ trở nên chùng xuống và tâm sự của tác giả dường như đẩy lên cao. Cánh chim khi chiều tà cũng trở nên “mỏi” đi tìm chốn ngủ. Một cánh chim đơn lẻ, đi lạc giữa rộng dài của bầu trời khiến người đọc có cảm giác như Hồ Chí Minh đang liên tưởng đến cuộc sống của người hiện tại. Cảnh tù đầy bí bách, kìm hãm khiến Hồ Chí Minh khát khao có được một nơi chốn bình yên và ấm áp nhất để tìm về.

Hình ảnh “tầng mây trôi nhẹ” diễn tả sự vận động nhẹ nhàng, tinh tế của thiên nhiên đất trời. Nhịp thơ trở nên chậm, rất chậm và có lẽ lòng người cũng đang chậm.

Chỉ với hai câu thơ cũng đủ để cho người đọc nhận ra được khát khao muốn được như tầng mây đó, cứ trôi đi, không phụ thuộc, không phải chịu cảnh gông tù.

Thiên nhiên trong thơ Hồ Chí Minh luôn hiện lên nhẹ nhàng nhưng chất chứa nỗi niềm như vậy.

Đến hai câu thơ sau dường như bùng lên một tia sáng và thấy thấp thoáng bóng dáng con người:



Cô em xóm núi xây ngôi tối
Xay hết lò than đã rực hồng

Mặc dù phần dịch thơ không thực sự bám sát và lột tả hết được tâm trạng cũng như con người trong bức tranh mang màu sắc vừa cổ điển vừa hiện đại này.

Chỉ bằng một nét vẽ tinh tế tác giả đã vẽ lên bức tranh bình dị của cuộc sống người dân nơi chân núi. Hành động “xay ngô” dường như là việc làm thường ngày của con người ở đây. Tuy bình dị nhưng ấm áp và tràn đầy tin yêu. Có thể nói trong cảnh gông cùm như thế này, Hồ Chí Minh rất khao khát có được một nơi để trở về bình dị như thế này.

Đến câu thơ cuối, người đọc nhận ra một sự chuyển động rất nhẹ và một nét sáng bùng lên cả bài thơ. Khi cô gái vùng sơn cước xay hết ngô thì lò than đã rực hồng. Một sự chuyển tiếp nhẹ nhàng, đều đặn hằng ngày. Giữa vùng núi hoang lạnh, khi mặt trời tắt, hoàng hôn loang xuống hình ảnh “lò than” hiện lên dường như làm sáng cả không gian và ấm áp trái tim Người. Có thể nói việc xây dựng hình ảnh cô em xóm núi và lò than dường như là một nỗi niềm thầm kín của tác giả. Đó là hiện thân

của một mái ấm gia đình hạnh phúc, chứa chan yêu thương, và đó cũng chính là lòng mong mỏi của Hồ Chí Minh.

Bài thơ “Mộ” của Hồ Chí Minh là bài thơ vừa mang màu sắc cổ điển vừa mang màu sắc hiện đại đã mang đến dấu ấn riêng, đặc trưng. Bài thơ chính là tâm sự, là ước muốn nhỏ nhoi có thể thoát khỏi chốn gông cùm, mang lại cuộc sống bình yên cho nhân dân.

17. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 15

Nguyễn Ái Quốc không chỉ là một nhà văn hóa, một anh hùng dân tộc lỗi lạc mà còn là nhà văn, nhà thơ lớn. Người đã để lại một sự nghiệp văn chương phong phú về thể loại, đa dạng về phong cách và sâu sắc về tư tưởng. Trong đó bài thơ “Mộ” là một ví dụ. Bài thơ “Mộ” (“Chiều tối”) của Nguyễn Ái Quốc thể hiện được tình yêu thiên nhiên và tình yêu quê hương đất nước sâu sắc.

*“Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ
Cô vân mạn mạn độ thiên không.
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.”*

Bức tranh thiên nhiên được thể hiện trong bối cảnh không gian quen thuộc không gian rừng già mênh mông và bầu trời rộng lớn mà tác giả kiến mục trên con đường áp giải từ nhà ngục Tĩnh Tây sang nhà lao Thiên Bảo:

*“Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ
Cô vân mạn mạn độ thiên không.”*
*(“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không.”)*

Tác giả đã sử dụng bút pháp pháp có tính chất chấm phá, điểm xuyết chứ không miêu tả cụ thể, tỉ mỉ khi miêu tả thiên nhiên, cảnh vật. Hình ảnh cánh chim trong lúc hoàng hôn cho thấy điều này. Tác giả đã lấy không gian để gọi thời gian bởi hình ảnh cánh chim bay về rừng già gợi ra thời điểm chiều muộn.

Khi một ngày lao động vất vả kết thúc, cánh chim bay về rừng già tìm một chốn nghỉ ngơi. Mặt khác, tác giả đã thả hồn mình vào trong cánh chim vì thế mà cánh chim mới có tâm trạng “mỏi”. Điều này cũng tương tự như nhà thơ trên con đường dài.

*“Năm mươi ba cây số một ngày
Áo mũ dầm mưa, rách hết giày”*

(“Sơ đảo Thiên bảo ngục” – Hồ Chí Minh)

Trong câu thơ thứ hai, hình ảnh tròn mây đơn độc chứng tỏ một tâm trạng khác của nhà thơ. Chữ “cô” trong câu văn được dịch thành “chòm” có vẻ như đã đánh mất sức biểu đạt tâm trạng. Nó không chỉ là một đám mây đơn thuần đang lững lờ trôi mà nó còn lơ lửng, cô độc trên bầu trời cao rộng. Con người cũng vậy thôi, khi đất nước còn đang nô lệ có ai lại thấy an yên, vui vầy, hạnh phúc. Với một tâm hồn yêu nước lớn lao như Hồ Chí Minh thì điều này càng khó hơn. Qua đây, ta thấy được sự hòa hợp tuyệt đối giữa con người với thiên nhiên.

Hai câu thơ sau giọng thơ và hình ảnh thơ và sự thay đổi hoàn toàn. Không gian trở nên gần gũi hơn và thời gian bắt đầu về tối:

*“Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.”*

*(“Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.”)*

Bối cảnh chuyển về điểm nhìn của cuộc sống con người. Con người trở thành chủ thể. Hơn nữa, chủ thể ấy còn là “sơn thôn thiếu nữ” – một hình ảnh rất quen thuộc đối với con người ở vùng núi. Khoảng thời gian về tối nhưng dường như nó không gọi nên sự hiu quạnh mà bức tranh thật ấm áp với hình ảnh lò than rực hồng ánh sáng.

Ánh sáng ấy như xua tan bóng đêm, không khí lạnh, sự hiu quạnh của núi rừng mà ta bắt gặp trong 2 câu thơ trước đó. Từ “ma bao túc” lặp lại ở cuối câu thơ thứ nhất và đầu câu thơ thứ hai tạo ra một vòng tuần hoàn liên tục giống như một chuỗi nhịp điệu đều đặn của người con gái.

Cô gái bản như đang hăng say lao động vừa tràn đầy sức sống vừa tràn đầy niềm vui cống hiến. Nhân tự “hồng” rất đặc biệt, nó thể hiện nét phong cách trong văn chương Nguyễn Ái Quốc – luôn luôn hướng về ánh sáng, về tương lai. Bếp than hồng là cảnh thực nhưng lại mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.

Nó biểu tượng cho cuộc đấu tranh trường kỳ của dân tộc. Bếp than âm ỉ cháy mỗi đêm và đợi đến một lúc nào đó khi thời cơ chín muồi nó sẽ bùng lên thành ngọn lửa

rực rỡ nhất. Nguyễn Ái Quốc gửi mọi niềm tin, sự lạc quan vào trong cuộc đấu tranh của dân tộc. Và điều này đã thực sự được chứng minh trong lịch sử sau đó.

Tóm lại, bài thơ “Mộ” của Hồ Chí Minh có nhiều đặc sắc nghệ thuật: giàu màu sắc cổ điển và tinh thần hiện đại, ngôn từ phong phú giàu sức gợi, nội dung mới mẻ, diễn đạt giản dị mà sâu sắc... Qua đó tác phẩm diễn tả bức tranh thiên nhiên, bức tranh tâm trạng và bức tranh lòng người của một bậc đại trí, đại dũng. Thơ Hồ Chí Minh vẫn luôn thể hiện được niềm tin vào công lý và khát vọng Chân – Thiện – Mỹ.

18. Phân tích thơ Chiều tối mẫu 16

“Chiều tối” là bài thơ được viết trong thời điểm gần kết thúc của một chuyến chuyển lao. Bài thơ là một bức tranh vẽ cảnh chiều tối nơi núi rừng – cảnh đẹp bởi nó ánh lên sự sống ấm áp của con người. Qua đó, bộc lộ một tâm hồn thi nhân nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, một tấm lòng nhân hậu đối với con người, một phong thái ung dung luôn hướng về sự sống, ánh sáng và tương lai. Hay nói đúng hơn đây là một thực thể của sự kết hợp hài hoà giữa màu sắc cổ điển và tinh thần hiện đại.

Cảnh chiều tối là một đề tài quen thuộc của văn chương. Khung cảnh buổi chiều về tối thường dễ sinh tình vì thế, buổi chiều đã đi vào bao áng thơ kim cổ, làm nên những vần thơ tuyệt tác. Thơ chiều cổ điển thường man mác một nỗi buồn đìu hiu, hoang vắng trong sự tàn tạ của thời gian, hoặc trĩu nặng nỗi buồn tha hương lữ thứ. Ở đây, bằng vài nét chấm phá của bút pháp ước lệ tượng trưng tác giả đã dựng nên bức phong lớn làm nền cho cảnh chiều:

Quyện điều quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
(Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không)

“Cánh chim” và “chòm mây” là hai hình ảnh quen thuộc thường xuất hiện trong thơ chiều xưa và nay. Cho nên, đó chỉ là hai hình ảnh của không gian mà đã mang theo ý nghĩa của thời gian. Cánh chim ở đây được lấy từ thế giới nghệ thuật cổ phương Đông. Trong thế giới thẩm mỹ ấy, hình ảnh cánh chim bay về rừng đã ít nhiều có ý nghĩa biểu tượng ước lệ diễn tả cảnh chiều: “Phi yến thu lâm”; “Quyện điều quy lâm” là những nhóm từ thường thấy trong thơ chữ Hán. Trong “Truyện Kiều”, khi

miêu tả cảnh chiều, Nguyễn Du đã điểm vào bức tranh hình ảnh cánh chim bay về rừng: “Chim hôm thoi thót về rừng”. Trong thơ Bà Huyện Thanh Quan cũng thế: “Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi” và Huy Cận lại cảm thấy bóng chiều như đang sà xuống từ cánh chim đang nghiêng dần về cuối chân trời: “Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa”. Hình như trong cảm nhận của các thi nhân xưa thì khi miêu tả cảnh chiều mà không có hình ảnh cánh chim thì bóng chiều chưa rõ.

Cánh chim trong thơ xưa thường chỉ là một chi tiết nghệ thuật thuần túy để gợi tả cảnh chiều thế thôi và thường gợi nên cảm giác về sự xa xăm, phiêu bạt, chia lìa:

“Chúng điều cao phi tận” – Lí Bạch

“Thiên sơn điều phi tuyệt” – Liễu Tông Nguyên

Chúng ta đều nhận thấy cánh chim trong thơ của Lí Bạch và Liễu Tông Nguyên đều “Phi tuyệt”, “Phi tận”. Tất cả đều không có điểm dừng mà ở vào trạng thái bay vào chốn xa xăm, vô tận, gợi lên một ý niệm siêu hình nào đó. Còn cánh chim trong bài thơ “Chiều tối” của Bác lại có phương hướng, điểm dừng, mục đích bay rõ ràng:

Quyện điều quy lâm tầm túc thụ

(Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ)

Như vậy Bác đã đưa cánh chim từ thế giới siêu hình trở về với thế giới hiện thực. Ta nhận thấy trong cách nhìn của Bác là một cách nhìn đầy yêu thương, trù mến trước biểu hiện nhỏ nhoi của sự sống. Nhìn cánh chim đang bay, Bác cảm nhận được sự mệt mỏi của đôi cánh sau một ngày đường hoạt động. Trong chiều sâu tâm hồn của Bác chính là lòng yêu thương sự sống, cảm quan của Bác chính là cảm quan nhân đạo.

Câu thơ thứ hai cũng mang đậm nét Đường thi. Nó rất gần với câu thơ: “Cô vân độc khứ nhàn” của Lí Bạch. Hình ảnh chòm mây cô độc trôi giữa bầu trời đã trở thành một mô tuýp quen thuộc trong thơ xưa, nó thường gợi lên cái cô độc thanh cao, sự phiêu diêu, thoát tục và nỗi khắc khoải của con người trước cõi hư không. Còn trong bài “Chiều tối” của Bác, hình ảnh chòm mây cô độc trôi nhẹ qua bầu trời chỉ là một nét vẽ tạo nên cái không gian cao rộng của cảnh trời chiều nơi miền rừng núi. Bầu trời hôm ấy phải thật cao, thật trong xanh ta mới thấy được hình ảnh chòm mây cô độc ấy gợi nên hình ảnh cô độc nơi đất khách, quê người của Bác. Mỗi một chi tiết của cảnh chiều đều nhuộm màu tâm trạng. Cánh chim mỏi tìm về tổ ấm, còn người tù thì mệt mỏi sau một ngày đường mà vẫn chưa có được chỗ dừng chân.

Chòm mây lẻ loi trôi lững lờ trên tầng không, còn người tù thì cô đơn giữa một buổi chiều nơi đất khách. Hai câu thơ đạt đến mức vi diệu của lối tả cảnh ngụ tình. Ở đó ta bắt gặp một tâm hồn giàu cảm xúc trước thiên nhiên và sự sống. Từ đó ta thấy được một nghị lực phi thường và đó cũng chính là chất thép trong thơ của Bác.

Nếu như ở hai câu thơ đầu bằng bút pháp cổ điển Bác đã dựng nên bức phong lớn làm nền cho bức tranh, thì trong hai câu thơ sau, Bác tập trung làm nổi bật hình tượng trung tâm của bức tranh. Từ bút pháp cổ điển Bác chuyển hẳn sang bút pháp hiện đại.

Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng
(Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết lò than đã rực hồng)

“xóm núi” là hình ảnh giản dị biểu tượng cho sự sống bình yên của con người. Xóm núi như đẹp hơn, ấm áp hơn với hình ảnh người thiếu nữ. Vẻ đẹp trẻ trung đầy sức sống của người thiếu nữ với tư thế lao động (xay ngô) trở thành tâm điểm của bức tranh thiên nhiên buổi chiều. Điều đáng lưu ý ở đây là hình tượng người thiếu nữ trong thơ Bác hoàn toàn khác với hình tượng người thiếu nữ trong thơ xưa. Người phụ nữ trong thơ xưa thì thường được ví như “Liễu yếu đào tơ” và sống trong cảnh “Phòng khuê khép kín”, chỉ biết “cầm, kì, thi, hoạ” là đủ. Còn người thiếu nữ trong thơ Bác thì gắn liền với công việc lao động bình dị, đời thường, khỏe khoắn đầy sức sống. Phải chăng chính cái sức sống ấy của người thiếu nữ đã làm nên vẻ đẹp lung linh cho bức tranh.

Trong thơ xưa, những bức tranh vẽ cảnh chiều đều có bóng dáng con người nhưng sao lẻ loi, cô độc và hiu hắt quá. Con người ở đây mang nặng một nỗi niềm hoài cổ, một nỗi sầu muộn:

“Lom khom dưới núi tều vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà”

(Qua Đèo Ngang – Bà Huyện Thanh Quan)

Hay:

“Gác mái ngư ông về viễn phố,

Gỗ sùng mục tử lại cô thôn”

(Chiều Hôm Nhớ Nhà – Bà Huyện Thanh Quan)

... còn con người trong thơ Bác, lại là con người lao động đầy sức sống. Chính hai từ “thiếu nữ” đã làm bừng lên sức sống của bức tranh. Cô gái miệt mài xay ngô và hình như cô không chú ý đến những gì xung quanh mình. Cối xay vẫn cứ quay và quay tít “ma bao túc” rồi “bao túc ma” và khi ngô đã xay xong “bao túc ma hoàn” thì cô mới nhìn thấy “lò than đã rực hồng”. Hình ảnh “lò than đã rực hồng” hiện lên trong đêm tối càng làm nổi bật hình ảnh người thiếu nữ. Toàn bộ cảnh thiên nhiên đang chìm trong màu xám nhạt chuyển sang màu tối. Cũng vì thế hình ảnh lò than rực hồng có sức lôi cuốn đặc biệt. Bài thơ kết thúc bằng chữ “hồng”, có thể nói đó chính là chỗ đẹp nhất của bài thơ. Đó chính là ánh lửa hồng của cuộc sống đầm ấm, hạnh phúc gia đình, ánh lửa hồng của sự sống, của niềm lạc quan. Chữ “hồng” đặt ở cuối bài thơ soi rõ vẻ đẹp của người thiếu nữ, toả ánh sáng và hơi ấm xua đi cái buồn vắng của bức tranh chiều tối nơi rừng núi.

Hai câu thơ đã cho ta thấy được cái nhìn ấm áp đầy yêu thương, trân trọng của Bác đối với con người lao động. Buổi “Chiều tối” nơi miền rừng núi quạnh hiu, hoang vắng, lẽ ra rất đổi buồn bã, thê lương trước mắt người tù bị xiềng xích, bị giải đi với biết bao nỗi gian lao vất vả, nhưng trái lại đó là tiếng reo vui. Chữ “hồng” ở cuối bài đã làm nên tiếng reo vui ấy, tạo cho bài thơ âm hưởng nồng ấm, dạt dào.

“Chiều tối” là một tác phẩm đậm đà màu sắc cổ điển mà cũng rất hiện đại, thể hiện một cách tự nhiên và phong phú vẻ đẹp của hình ảnh người tù – thi sĩ, người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh. Bài thơ đã thể hiện tình yêu thiên nhiên tha thiết của Bác. Điều đặc biệt ở đây là cảm quan thiên nhiên của Bác gắn liền với cảm quan nhân đạo, cảm quan về sự sống.

Xem tiếp tài liệu tại: <https://vndoc.com/tai-lieu-hoc-tap-lop-11>